TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TỐT NGHIỆP CHÍNH THỨC THÁNG 11/2014.(CẢ 2 ĐỢT)
(QĐ SỐ : 737/QĐ-ĐHBK-ĐT Ngày 15/9/2014 & QĐ bổ sung số : 791/QĐ-ĐHBK-ĐT Ngày 29/9/2014)

Stt	Masv	Họ	tên	Tên lớp	ĐTBTN	Xếp loại	Ngày sinh	Phái	noisinh	CTXH	CHỨNG CHỈ
1	60903425	Uk Challana		HC09DK	6.17	TB Khá	010789		Campuchia	15	Miễn CCAV
2	70900007	Hoàng Ngọc	An	QL09CN2	6.87	TB Khá	080891		Bình Dương	16.5	TOEIC 460
3	80900010	Lê Trung	An	XD09CD1	6.85	TB Khá	260391		Quảng Nam	15.5	TOEIC 470
4	K0904004	Nguyễn Đức Song	An	KU09VLY	7.14	Khá	220991		Khánh Hòa	15	TOEIC 810
5	80900019	Nguyễn Phi	An	XD09VL1	6.28	TB Khá	201091		Quảng Nam	16.5	TOEIC 460
6	21108230	Nhan Trần Trường	An	BD11CN01	7.15	Khá	200293		Tp Hồ Chí Minh	15	
7	21108231	Trần Bỉnh	An	BD11CN02	7.14	Khá	140993		Tp Hồ Chí Minh	11	
8	40900033	Trần Hữu	An	DD09KTD3	6.88	TB Khá	220491		Đồng Nai	16.5	TOEIC 470
9	80800016	Văn Đức	An	XD08CD1	6.86	TB Khá	101090		Thừa Thiên - Huế	16	
10	50900119	Nguyễn Trọng	Ân	MT09KH01	6.69	TB Khá	220491		Lâm Đồng	19	TOEIC 495
11	50700031	Bùi Nguyễn Quốc	Anh	MT07KH01	6.26	TB Khá	070589		Kiên Giang	15	
12	20800058	Nguyễn Quốc	Anh	VP08VT	6.94	TB Khá	150990		Bà Rịa - Vũng Tàu	22.5	TOEIC 850
13	80800060	Nguyễn Thế	Anh	XD08VL1	7.37	Khá	040290		Nghệ An	16	
14	20904022	Nguyễn Thị Huyền	Anh	CK09HT2	7.17	Khá	120590	N	Thái Bình	18	TOEIC 455
15	40900076	Nguyễn Tuấn	Anh	DD09KTD2	6.53	TB Khá	021290		Tp Hồ Chí Minh	16	TOEIC 455
16	80700062	Nguyễn Tuấn	Anh	XD07BTL1	6.58	TB Khá	210784		Đăk Lăk	15	
17	G0900075	Nguyễn Tuấn	Anh	GT09OTO2	7.05	Khá	260387		Quảng Trị	22	TOEIC 520
18	20700081	Trần Ngọc	Anh	CK07NH	6.02	TB Khá	220488		Thừa Thiên - Huế	21	
19	80904028	Trương Tuấn	Anh	XD09TD1	6.41	TB Khá	220390		Ninh Bình	18	TOEIC 460
20	21109002	Vương Quốc	Anh	CK11LTH	6.57	TB Khá	100687		Tp Hồ Chí Minh	25	TOEIC 505
21	G0700146	Trần Văn	Bắc	GT07OTO	6.5	TB Khá	180488		Nam Định	21.5	
22	G0904040	Nguyễn Sĩ	Bằng	GT09TAU	7.58	Khá	040191		Quảng Bình	16	TOEIC 480
23	20900132	Đỗ Huỳnh	Bảo	VP09CDT	7.39	Khá	280491		Bến Tre	19.5	TOEIC 535
24	80900135	Huỳnh Trung	Bảo	XD09CD1	7.11	Khá	101291		Quảng Ngãi	20.5	TOEIC 525
25	70900138	Lương Tiểu	Bảo	QL09KD1	7.24	Khá	230291	N	Tp Hồ Chí Minh	22.5	TOEIC 820
26	40900139	Nguyễn Đức	Bảo	DD09KTD4	6.42	TB Khá	101091		Vũng Tàu	15	TOEIC 475
27	20900142	Nguyễn Huỳnh Quốc	Bảo	CK09NH	7.26	Khá	080491		Tây Ninh	17	TOEIC 535
28	20908012	Trần Nguyên	Bảo	BD09CN01	6.37	TB Khá	070891		Bình Thuận	9	
29	21108246	Trần Văn	Bến	BD11CN01	7.33	Khá	080492		Bến Tre	11.5	
30	40700151	Trần Đình	Biên	DD07KTD1	6.64	TB Khá	280789		Quảng Trị	15	
31	80700165	Nguyễn Đăng	Bình	XD07BDC	5.97	Trung Bình	301088		Bắc Ninh	18	
32	70900185	Nguyễn Văn	Bình	QL09CN2	7	Khá	181291		Tiền Giang	16	TOEIC 685
33	G0900186	Phan Nguyễn Thái	Bình	GT09OTO1	7.31	Khá	080886		Đồng Nai	19.5	Toeic 465
34	21109003	Trần Văn	Bồng	CK11LTH	6.93	TB Khá	170890		Hà Tĩnh	15.5	TOEIC 520
35	V0904050	Nguyễn Hữu	Ca	VL09PO	6.57	TB Khá	300591		Thanh Hóa	16	TOEIC 495
36	V0804049	Nguyễn Xuân	Cách	VL08KL	6.45	TB Khá	120789		Hà Tĩnh	15.5	
37	20908020	Hồ Ngọc	Cẩn	BD09CN01	6.38	TB Khá	140490		Quảng Ngãi	10	
38	21108250	Ngô Minh	Cảnh	BD11CN01	6.95	TB Khá	160490		Bến Tre	20	
39	21108249	Nguyễn	Cao	BD11CN02	6.66	TB Khá	190393		Đồng Nai	13.5	
40	60900217	Nguyễn Lê Minh	Châu	HC09SH2	7.12	Khá	181191		Tp Hồ Chí Minh	15.5	TOEIC 825
41	20800176	Nguyễn Phạm Thanh	Châu	CK08HT1	6.52	TB Khá	210990		Tp Hồ Chí Minh	15	
42	20904060	Nguyễn Thị Giáng	Châu	CK09SDET	6.45	TB Khá	020491	N	Đồng Nai	17	TOEIC 455
43	V0900228	Huỳnh Đặng Lệ	Chi	VL09KL	6.97	TB Khá	100591	N	Bình Định	26	TOEIC 475
44	80804068	Võ Văn	Chí	XD08BTL1	6.53	TB Khá	010290		Bến Tre	16	
45	80900245	Nguyễn Quốc	Chinh	XD09CD1	6.56	TB Khá	121091		Đồng Tháp	16.5	TOEIC 470
46	20804069	Hoàng Quốc	Chính	CK08NH	6.46	TB Khá	270290		Đà Nẵng	19	
47	50900263	Lê Văn	Chung	MT09KH01	6.77	TB Khá	051191		Quảng Bình	15	TOEIC 525
48	80704064	Nguyễn Đình	Chung	XD07VL1	6.23	TB Khá	270989		Nghệ An	15	
49	71007034	Lê Đình	Chương	QL10B201	6.99	TB Khá	221282		Tp Hồ Chí Minh	0	TOEIC 505
50	21108254	Nguyễn Ngọc	Chương	BD11CN01	6.85	TB Khá	280491		An Giang	11.5	
51	80907030	Trần Bảo	Chương	XD09B201	6.76	TB Khá	270285		Long An	0	
52	80800207	Nguyễn Hữu	Chuyên	XD08CD1	6.72	TB Khá	250389		Thanh Hóa	34	
53	20900274	Đặng Thành	Công	CK09NH	7.04	Khá	100991		Tp Hồ Chí Minh	23	TOEIC 670
54	20900276	Lê Văn	Công	CK09CTM1	6.97	TB Khá	100691		Quảng Nam	23	TOEIC 515
55	K0900279	Nguyễn Thành	Công	KU09VLY	6.65	TB Khá	010990		Tây Ninh	16	TOEIC 465
56	80900293	Đỗ Ngọc	Cường	XD09DD1	7.73	Khá	101191		Quảng Ngãi	15.5	TOEIC 480
57	60900290	Dương Phú	Cường	VP09NL	7.25	Khá	081191		Quảng Ngãi	19.5	TOEIC 545

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TỐT NGHIỆP CHÍNH THỨC THÁNG 11/2014.(CẢ 2 ĐỢT)
(QĐ SỐ : 737/QĐ-ĐHBK-ĐT Ngày 15/9/2014 & QĐ bổ sung số : 791/QĐ-ĐHBK-ĐT Ngày 29/9/2014)

Stt	Masv	Họ	tên	Tên lớp	ĐTBTN	Xếp loại	Ngày sinh	Phái	noisinh	CTXH	CHỨNG CHỈ
58	80900294	Hồ Kim	Cường	XD09CD1	6.72	TB Khá	280891		Nghệ An	15.5	TOEIC 540
59	21108257	Lâm Xuân	Cường	BD11CN01	7.21	Khá	141093		Tp Hồ Chí Minh	18	
60	80804088	Nguyễn Việt	Cường	XD08VL2	6.71	TB Khá	300690		Tây Ninh	18	
61	20800249	Phan Mạnh	Cường	VP08CDT	7.26	Khá	250790		Tp Hồ Chí Minh	20.5	
62	90900501	Huỳnh Minh	Đại	MO09KMT1	6.49	TB Khá	010191		Bình Thuận	19	TOEIC 485
63	K0804134	Huỳnh Quang	Đại	KU08CKT2	6.68	TB Khá	190790		Tây Ninh	15	
64	21109006	Kiều Ng Phương	Đại	CK11LTH	7.27	Khá	210490		Tp Hồ Chí Minh	15	TOEIC 495
65	21108267	Nguyễn Quốc	Đại	BD11CN01	7.42	Khá	021293		Tây Ninh	13.5	
66	80904132	Nguyễn Trọng	Đại	XD09VL3	6.84	TB Khá	190689		Sông Bé	16	TOEIC 515
67	30900346	Lê Văn	Dân	DC09KK	6.35	TB Khá	290989		Hưng Yên	15	TOEIC 460
68	ILI10039	Nguyễn Đồng	Đăng	CT10TIEN	7.7	Khá	180192		Tp. Hồ Chí Minh	18	Toeic 900
69	40900332	Huỳnh Công	Danh	DD09DV3	6.89	TB Khá	040391		An Giang	17	TOEIC 500
70	81000394	Lê Công Đại Sĩ	Danh	XD10DD1	7.58	Khá	011292		Tây Ninh	15.5	TOEIC 455
71	V0700319	Nguyễn Anh	Danh	VL07SI	6.11	TB Khá	310889		Bà Rịa - Vũng Tàu	15	
72	40700326	Võ Thành	Danh	DD07KTD1	6.64	TB Khá	110589		Long An	17	TOEIC 755
73	K0900499	Tạ Lê Anh	Đào	VP09NL	7.63	Khá	131291	N	Đồng Nai	26.5	TOEIC 820
74	21108271	Lương Hồ Tấn	Đạt	BD11CN01	7.34	Khá	040293		Đồng Tháp	14	
75	80900529	Ngô Tuấn	Đạt	XD09DD1	7.15	Khá	210291		Tp Hồ Chí Minh	16	TOEIC 455
76	21108272	Nguyễn Đăng	Đạt	BD11CN02	6.55	TB Khá	041291		Sông Bé	13	
77	90900534	Nguyễn Tấn	Đạt	MO09KMT1	6.44	TB Khá	231191		Tp Hồ Chí Minh	16.5	TOEIC 450
78	21108273	Nguyễn Thành	Đạt	BD11CN01	6.55	TB Khá	111192		Đồng Nai	10.5	
79	20900541	Phạm Nguyên	Đạt	CK09CD1	7.26	Khá	181291		Quảng Ngãi	34	TOEIC 465
80	71000414	Nguyễn Thị	Diễm	QL10CN2	7.15	Khá	290790	N	Đồng Nai	17.5	TOEIC 510
81	40800437	Cao Tấn	Điền	DD08TD2	6.33	TB Khá	250890		Tiền Giang	15	
82	50900576	Nguyễn Công	Đính	MT09KH01	7.05	Khá	200391		Quảng Ngãi	15	TOEIC 455
83	V0804147	Đỗ Đình	Đình	VL08KL	6.43	TB Khá	291290		Tp. Hồ CHí Minh	19	
84	80900596	Bùi Ngọc	Đông	XD09DD1	7.22	Khá	101191		Quảng Nam	18.5	TOEIC 535
85	80800458	Nguyễn Ngọc	Đông	XD08CB	6.98	TB Khá	050989		Tây Ninh	15	
86	71000432	Nguyễn Đình	Du	QL10CN1	8	Giỏi	150890		Nam Định	15	TOEIC 665
87	V0700350	Phạm Tiến	Duật	VL07KL	6.83	TB Khá	170189		Phú Khánh	18.5	
88	G0900615	Đặng Phước	Đức	GT09OTO1	6.58	TB Khá	141291		Tiền Giang	15.5	TOEIC 465
89	30900618	Đỗ Duy	Đức	DC09KK	6.7	TB Khá	031191		Tp Hồ Chí Minh	21.25	TOEIC 785
90	20704132	Nguyễn Việt	Đức	CK07HT2	6.39	TB Khá	301089		Hà Nam Ninh	16.5	
91	50900655	Trần Ngọc	Đức	MT09KH01	7.66	Khá	120891		Quảng Trị	16	TOEIC 580
92	21008041	Trần Tấn	Đức	BD10CN01	7.45	Khá	050292		Đồng Nai	13	
93	40900660	Võ Ngọc	Đức	DD09DV4	6.35	TB Khá	160891		Bình Định	16	TOEIC 515
94	80700353	Nguyễn Thị Mai	Dung	XD07BDC	6.2	TB Khá	031188	N	Tp Hồ Chí Minh	15	
95	G0700409	Dương Tấn	Dũng	GT07OTO	6.36	TB Khá	010289		Tây Ninh	15	
96	K0900440	Lê Văn Anh	Dũng	KU09VLY	8.07	Giỏi	221091		Tp Hồ Chí Minh	23.5	TOEIC 520
97	20900442	Ngô Văn	Dũng	CK09CD1	7.8	Khá	050291		Thừa Thiên - Huế	20	TOEIC 630
98	20900445	Nguyễn Hoàng	Dũng	CK09CTM1	7.18	Khá	100691		Đồng Nai	24	TOEIC 450
99	70800360	Phạm	Dũng	QL08KD2	6.47	TB Khá	201090		Hà Tĩnh	16	
100	30900454	Phạm Văn	Dũng	DC09KK	7.16	Khá	020891		Quảng Nam	17	TOEIC 475
101	P0910001	Trần Đình	Dũng	VP09HK	7.06	Khá	160590		Quảng Trị	23.5	TOEIC 465
102	20904125	Dương	Dương	CK09MAY	6.54	TB Khá	150191	N	Đồng Nai	21	TOEIC 480
103	80900472	Nguyễn Anh	Dương	XD09DD1	7.19	Khá	061091		Tp Hồ Chí Minh	36	TOEIC 740
104	51000579	Vũ Tiến	Dưỡng	MT10KHTN	8.24	Giỏi	080392		Hà Nam Ninh	16	TOEIC 700
105	60900368	Bùi Thiên	Duy	HC09TP1	6.77	TB Khá	091189		Đồng Nai	17	TOEIC 480
106	80904102	Đinh Tiến	Duy	XD09VL2	6.6	TB Khá	180891		Phú Yên	15.5	Toeic 515
107	G0900370	Doãn Đức	Duy	GT09HK	6.81	TB Khá	230591		Nghệ An	15.5	TOEIC 645
108	81107039	Lâm Ngọc	Duy	XD11B201	7.45	Khá	281184		Lâm Đồng	0	TOEIC 720
109	ILI10025	Nguyễn Anh	Duy	CT10TIEN	6.99	TB Khá	261192		Tp. Hồ Chí Minh	16	Ielts 6.5
110	K0904110	Nguyễn Thanh	Duy	KU09CKT2	7.06	Khá	180190		Quảng Trị	20.5	TOEIC 455
111	20900413	Phạm Đình	Duy	CK09CD1	7.65	Khá	280790		Bắc Ninh	29	TOEIC 535
112	80900414	Phạm Quang	Duy	XD09VL1	7	Khá	150191		Quảng Ngãi	16.5	Toeic 455
113	21108026	Phạm Thế	Duy	BD11CN01	6.69	TB Khá	060292		Bến Tre	11	
114	30900422	Trần Ngọc	Duy	DC09KT	6.64	TB Khá	010191		Tp Hồ Chí Minh	16	TOEIC 785
115	20900430	Võ An	Duy	CK09CD1	7.2	Khá	210391		Quảng Trị	22.5	TOEIC 635
116	G0904113	Trần Khánh	Duyệt	GT09TAU	7.05	Khá	160191		Thái Bình	22	TOEIC 470
117	21108277	Đinh Hoàng	Em	BD11CN02	6.83	TB Khá	200690		Đồng Tháp	10	
118	80907080	Trần Hoàng	Em	XD09B201	6.93	TB Khá	83		Minh Hải	0	

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TỐT NGHIỆP CHÍNH THỨC THÁNG 11/2014.(CẢ 2 ĐỢT)
(QĐ SỐ : 737/QĐ-ĐHBK-ĐT Ngày 15/9/2014 & QĐ bổ sung số : 791/QĐ-ĐHBK-ĐT Ngày 29/9/2014)

Stt	Masv	Họ	tên	Tên lớp	ĐTBTN	Xếp loại	Ngày sinh	Phái	noisinh	CTXH	CHỨNG CHỈ
119	20900677	Nguyễn Trường	Giang	CK09CD1	7.49	Khá	010191		Quảng Ngãi	16.5	TOEIC 680
120	60700613	Trần Hồng	Giang	HC07HLY	6.59	TB Khá	010488		Cà Mau	15	
121	90904161	Trần Mạnh	Giáo	MO09KMT1	7.12	Khá	160491		Tiền Giang	16.5	TOEIC 450
122	21108278	Nguyễn Văn	Gulíst	BD11CN02	7.78	Khá	220393		Vĩnh Long	15	
123	40700630	Lã Phương	Hà	DD07TD1	6.66	TB Khá	251289		Đồng Nai	16	TOEIC 625
124	20900701	Lê Hoàng	Hà	CK09CTM1	6.74	TB Khá	100291		Đăk Lăk	15	TOEIC 455
125	K0804178	Nguyễn Mạnh	Hà	KU08CKT2	6.9	TB Khá	140390		Đồng Nai	15	
126	90900705	Nguyễn Thị	Hà	MO09QLMT	7.12	Khá	010791	N	Thanh Hóa	15	TOEIC 455
127	50900711	Vũ Văn	Hà	MT09KH02	6.34	TB Khá	241091		Nam Định	15	TOEIC 545
128	80900723	Đỗ Minh	Hải	XD09CB	6.59	TB Khá	091091		Quảng Nam	15	TOEIC 470
129	G0904173	Nguyễn	Hải	GT09TAU	7.95	Khá	020891		Vĩnh Phú	15	TOEIC 525
130	80900740	Tào Đức	Hải	XD09CD1	6.85	TB Khá	300391		Tp Hồ Chí Minh	17	TOEIC 540
131	90904188	Mai Thị Ngọc	Hân	MO09KMT1	6.89	TB Khá	230291	N	Tiền Giang	15.5	TOEIC 505
132	20904189	Nguyễn Song Thảo	Hân	CK09INN	7.22	Khá	080191	N	Thừa Thiên - Huế	33	TOEIC 515
133	21108280	Lâm Khánh	Hào	BD11CN02	7.17	Khá	191292		Tp Hồ Chí Minh	13.5	
134	80900714	Lê Xuân	Hào	XD09CB	7.04	Khá	101090		Bình Định	15	TOEIC 480
135	20900715	Nguyễn Anh	Hào	CK09CTM1	6.55	TB Khá	220288		Quảng Bình	15	TOEIC 480
136	20904178	Nguyễn Thị Xuân	Hảo	CK09MAY	6.88	TB Khá	130591	N	Lâm Đồng	25.5	TOEIC 635
137	21108284	Đoàn Phúc	Hậu	BD11CN01	7.14	Khá	021193		Bến Tre	10	
138	21008051	Võ Hồng	Hậu	BD10CN02	6.72	TB Khá	200490		Tp Hồ Chí Minh	10	
139	20900788	Võ Thành	Hậu	CK09TKM	6.49	TB Khá	210990		An Giang	16	TOEIC 450
140	80900851	Bùi Ngọc	Hiển	XD09TL1	7.08	Khá	210491		Bình Định	15	TOEIC 535
141	80700801	Trần Thế	Hiển	XD07BDC	6.06	TB Khá	040389		Tp Hồ Chí Minh	15	
142	G0900873	Nguyễn Văn	Hiệp	GT09TAU	6.43	TB Khá	101091		Thanh Hóa	18.5	TOEIC 480
143	30900874	Nguyễn Văn Hòa	Hiệp	DC09MT	7.08	Khá	050991		Đồng Nai	20	TOEIC 475
144	20904208	Võ Quốc	Hiệp	CK09HT2	6.43	TB Khá	060291		Bến Tre	19.5	TOEIC 470
145	20800630	Hà Huy	Hiếu	CK08CD1	6.47	TB Khá	150390		Đăk Lăk	19	
146	K0904197	Lê Quang Trung	Hiếu	KU09CKT2	7.04	Khá	200491		Đồng Nai	18	TOEIC 520
147	80900801	Lê Trung	Hiếu	XD09DD1	7.2	Khá	220191		Tây Ninh	18	TOEIC 510
148	G0904198	Ngô Quang	Hiếu	GT09TAU	6.59	TB Khá	170391		Lâm Đồng	18	TOEIC 515
149	60800644	Nguyễn Công Trung	Hiếu	HC08HLY	7.01	Khá	170290		Tiền Giang	16	
150	20900814	Nguyễn Minh	Hiếu	CK09CXN	7.23	Khá	130191		Lâm Đồng	20	TOEIC 500
151	70900817	Nguyễn Thành	Hiếu	QL09CN2	6.61	TB Khá	091191		Đăk Lăk	15	TOEIC 580
152	60900818	Nguyễn Trọng	Hiếu	HC09TP2	7.33	Khá	200491		Đồng Nai	17.5	TOEIC 545
153	60900819	Nguyễn Trung	Hiếu	HC09TP2	7.39	Khá	120491		Lâm Đồng	18	TOEIC 685
154	21108288	Phạm Lê Thanh	Hiếu	BD11CN01	7.43	Khá	121193		Tp Hồ Chí Minh	12.5	
155	20800653	Tào Trung	Hiếu	CK08VL	6.39	TB Khá	160290		Thanh Hóa	18	
156	40700776	Trần Trung	Hiếu	DD07KTD2	6.42	TB Khá	030389		Phú Yên	22	
157	80904213	Huỳnh Hữu	Hòa	XD09VL2	6.74	TB Khá	251091		Thừa Thiên - Huế	15	TOEIC 545
158	40900963	Trương Đình	Hòa	DD09KTD3	6.61	TB Khá	280291		Nghệ An	34	TOEIC 510
159	V0904216	Bùi Văn	Hoài	VL09PO	7.12	Khá	170491		Hải Dương	17.5	TOEIC 510
160	50900905	Lê	Hoàng	MT09KH04	7.71	Khá	030691		Tp Hồ Chí Minh	25	TOEIC 615
161	21108291	Nguyễn Quang	Hoàng	BD11CN02	6.63	TB Khá	010393		Quảng Nam	12.5	
162	40700858	Nguyễn Trọng	Hoàng	DD07KTD2	6.15	TB Khá	241087		Quảng Nam	15	
163	40900935	Phạm Cao	Hoàng	DD09TD4	7.07	Khá	080991		Thanh Hóa	15	TOEIC 475
164	20900940	Trần Ngọc	Hoàng	CK09CTM1	7.37	Khá	210288		Nghệ An	25.5	TOEIC 485
165	40900944	Trương Duy	Hoàng	DD09DV2	7.14	Khá	090291		Thừa Thiên - Huế	17.5	TOEIC 655
166	20900946	Từ Phước	Hoàng	CK09CD1	6.91	TB Khá	260891		Tp Hồ Chí Minh	25.5	TOEIC 510
167	50700871	Vũ Đức	Hoàng	MT07KH02	7.09	Khá	170987		Nghệ An	15	
168	K0804249	Nguyễn Viết	Học	KU08CKT2	6.76	TB Khá	041090		Quảng Trị	15	TOEIC 490
169	30900966	Trần Thái	Học	DC09KT	6.71	TB Khá	241091		Long An	17	TOEIC 770
170	81107085	Văn Thái	Học	XD11B201	6.73	TB Khá	260687		Phú Yên	0	TOEIC 585
171	K0900975	Đỗ Xuân	Hội	KU09CKT1	7.48	Khá	151091		Nam Định	15.5	TOEIC 475
172	40900976	Huỳnh Quốc	Hội	DD09DV3	7.07	Khá	020491		Phú Yên	21	TOEIC 590
173	60900973	Trịnh Thị Phương	Hồng	HC09CHC	7.08	Khá	021091	N	Đăk Lăk	18	TOEIC 480
174	80900980	Lý Nghĩa	Huân	XD09TL1	6.61	TB Khá	020990		Lâm Đồng	16	TOEIC 500
175	G0900985	Nguyễn Hoàng	Huấn	GT09OTO1	7.01	Khá	011191		Tp Hồ Chí Minh	20	TOEIC 470
176	40900986	Nguyễn Văn	Huấn	DD09DV4	7.12	Khá	160991		Kon Tum	15	TOEIC 530
177	21008069	Bùi Quốc	Hùng	BD10CN02	6.58	TB Khá	031091		Hà Tĩnh	14.5	
178	20901061	Đỗ Văn	Hùng	CK09CTM1	6.88	TB Khá	230191		Thanh Hóa	17.5	TOEIC 490
179	30804271	Dương Văn	Hùng	DC08KS	6.62	TB Khá	161088		Bắc Thái	16	

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TỐT NGHIỆP CHÍNH THỨC THÁNG 11/2014.(CẢ 2 ĐỢT)
(QĐ SỐ : 737/QĐ-ĐHBK-ĐT Ngày 15/9/2014 & QĐ bổ sung số : 791/QĐ-ĐHBK-ĐT Ngày 29/9/2014)

Stt	Masv	Họ	tên	Tên lớp	ĐTBTN	Xếp loại	Ngày sinh	Phái	noisinh	CTXH	CHỨNG CHỈ
180	80804273	Lê Hữu	Hùng	XD08BDC	6.35	TB Khá	221289		Thanh Hóa	16	
181	81007717	Lê Văn	Hùng	XD10B202	7.26	Khá	280887		Hà Tĩnh	0	TOEIC 450
182	V1001318	Mai Xuân	Hùng	CT10TIEN	7.12	Khá	280492		Tp. Hồ Chí Minh	16	Ielts 6.0
183	40800844	Nguyễn Quốc	Hùng	VP08NL	7.1	Khá	180290		Đồng Nai	20.5	
184	20901078	Phạm Công	Hùng	VP09CDT	7.44	Khá	140191		Long An	19	TOEIC 780
185	V0901080	Phạm Phi	Hùng	VL09KL	6.57	TB Khá	060191		Đồng Nai	15	TOEIC 485
186	80800856	Trần Quốc	Hùng	XD08TD1	6.18	TB Khá	161087		Đăk Nông	15	
187	80800860	Võ Tiến	Hùng	XD08DD1	6.52	TB Khá	220690		Quảng Ngãi	17	
188	P0910003	Vũ Đình	Hùng	VP09CDT	7.54	Khá	091091		Đà Nẵng	19	TOEIC 505
189	80901092	Đinh Long	Hưng	XD09CD1	7.04	Khá	130591		Tiền Giang	24	TOEIC 515
190	80907128	Đỗ Văn	Hưng	XD09B201	6.42	TB Khá	271084		Đồng Nai	0	
191	20901100	Lã Mạnh	Hưng	CK09TKM	6.62	TB Khá	280991		Tp Hồ Chí Minh	15	TOEIC 530
192	50903440	Lê Mạnh	Hưng	MT09KH02	7.32	Khá	141091		Quảng Trị	15.5	TOEIC 640
193	30704220	Nguyễn Công	Hưng	DC07KS	6.32	TB Khá	010689		Đăk Lăk	15	
194	K0904265	Nguyễn Quốc	Hưng	KU09CKT1	6.78	TB Khá	170691		Tp Hồ Chí Minh	15	TOEIC 665
195	30701016	Nguyễn Quốc	Hưng	DC07KK	6.24	TB Khá	180888		Đăk Lăk	15	
196	21008075	Phạm Đình	Hưng	BD10CN01	6.26	TB Khá	240192		Đồng Nai	10	
197	20804281	Trần Ngọc	Hưng	CK08NH	6.45	TB Khá	141290		Tp Hồ Chí Minh	20	
198	40800893	Vũ Quang	Hưng	VP08HK	7.27	Khá	241290		Bình Thuận	17.5	
199	60901133	Chu Thị	Hường	HC09TP1	7.42	Khá	100691	N	Hà Tĩnh	20.5	TOEIC 450
200	21108297	Nguyễn Văn	Hường	BD11CN01	6.94	TB Khá	100393		Bình Thuận	11.5	
201	50901136	Phan Thanh	Hưởng	VP09VT	7.48	Khá	120591		Quảng Nam	22	TOEIC 475
202	V0701047	Nguyễn Đức	Hữu	VL07KL	6.19	TB Khá	261288		Đồng Nai	15	
203	30704231	Nguyễn Tấn	Hữu	DC07KT	6.5	TB Khá	100888		Quảng Nam	15	
204	20901139	Nguyễn Văn	Hữu	CK09HT1	8.1	Giỏi	270691		Bình Định	15	TOEIC 485
205	40800770	Đặng Ngọc	Huy	DD08DV3	6.85	TB Khá	250590		Bình Định	15	
206	20901000	Hồ Ngô Mạnh	Huy	CK09CD1	7.49	Khá	210791		Tây Ninh	17.5	TOEIC 540
207	20900996	Hoàng Quốc	Huy	CK09CTM1	7.22	Khá	080890		Đồng Nai	23	TOEIC 450
208	80901003	Huỳnh Phạm Lê	Huy	XD09CD1	6.9	TB Khá	010391		Quảng Ngãi	15.5	TOEIC 645
209	G0901005	Lâm Như	Huy	GT09OTO2	6.38	TB Khá	270191		Gia Lai	15.5	TOEIC 455
210	40800777	Lê Đăng	Huy	DD08DV6	6.6	TB Khá	010590		Tp Hồ Chí Minh	17.5	
211	50901015	Nguyễn Đức	Huy	MT09KHTN	7.97	Khá	040591		Quảng Ngãi	25.5	TOEIC 795
212	20800794	Nguyễn Lâm	Huy	CK08NH	6.79	TB Khá	010891		Bình Định	21	
213	60901025	Nguyễn Tấn Hoàng	Huy	HC09CHC	6.6	TB Khá	151291		Quảng Nam	16	TOEIC 515
214	K0904247	Phạm Minh	Huy	KU09VLY	6.4	TB Khá	010391		Đồn Nai	15.5	Toeic 450
215	90901040	Phạm Quang	Huy	MO09KMT1	7.18	Khá	170391		Hải Phòng	16	TOEIC 465
216	20901035	Phan Thanh	Huy	CK09CTM1	6.68	TB Khá	231191		Khánh Hòa	15	TOEIC 490
217	K0904251	Trần Văn	Huy	KU09CKT2	7.43	Khá	091290		Đăk Lăk	18	TOEIC 465
218	80901047	Trịnh Ngọc	Huy	XD09CD1	7.04	Khá	091189		Tp Hồ Chí Minh	16.5	TOEIC 475
219	V0904257	Trần Thị Thu	Huyền	VL09KL	6.98	TB Khá	020891	N	Phú Yên	15.5	TOEIC 470
220	80904259	Nguyễn Lý	Huỳnh	XD09VL2	6.44	TB Khá	020191		Nghệ An	18	TOEIC 495
221	ILI08001	Đỗ Lê Minh	Kha	CT08TIEN	6.4	TB Khá	240890		Đà Lạt	18	TOEIC 750
222	80800906	Mai Lê	Kha	XD08CB	7.01	Khá	200390		Bình Thuận	16	
223	20901145	Nguyễn Đỗ	Kha	CK09HT1	6.6	TB Khá	230590		Tây Ninh	18.5	TOEIC 450
224	40800909	Trần Tú Nam	Kha	DD08DV3	6.89	TB Khá	021290		Phú Yên	26	
225	50901152	Võ Anh	Kha	VP09VT	7.66	Khá	240691		Tp Hồ Chí Minh	19.5	TOEIC 900
226	80800911	Võ Minh	Kha	XD08CB	6.51	TB Khá	210689		Quảng Ngãi	15	
227	41001501	Đoàn Nguyên	Khải	CT10TTVT	8.44	Giỏi	140492		Tp. Hồ Chí Minh	15	Ielts 6.0
228	V0904295	Lương Nhật	Khải	VL09PO	6.88	TB Khá	080291		Thuận Hải	15	TOEIC 450
229	21109017	Mai Nguyên	Khang	CK11LTH	6.65	TB Khá	290189		Tp Hồ Chí Minh	15.5	TOEIC 470
230	80901155	Nguyễn Duy	Khang	XD09CD1	6.68	TB Khá	170891		Bến Tre	26.5	TOEIC 465
231	80904277	Nguyễn Minh	Khang	XD09TD1	6.98	TB Khá	210291		Tiền Giang	28	TOEIC 455
232	21108061	Nguyễn Phúc	Khang	BD11CN01	7.59	Khá	060193		Tp Hồ Chí Minh	16	
233	20901160	Bùi Duy	Khanh	CK09KSTN	8.08	Giỏi	310891		Bến Tre	24	TOEIC 485
234	21108300	Nguyễn Hải Hiền	Khanh	BD11CN01	8.32	Giỏi	010893		Tp Hồ Chí Minh	16.5	
235	50800920	Phạm Ngọc	Khanh	MT08KH03	6.42	TB Khá	060490		Đồng Nai	18	
236	50800928	Huỳnh Đặng Phúc	Khánh	MT08KT02	6.57	TB Khá	201090		Quảng Nam	21.5	
237	21108302	Lại Thị Kim	Khánh	BD11CN01	8.07	Giỏi	010793	N	Long An	11	
238	70901174	Lâm Minh	Khánh	CT09TIEN	6.49	TB Khá	181091		Tp Hồ Chí Minh	15	IELTS 6.0
239	80901177	Ngô Bảo	Khánh	XD09DD1	6.94	TB Khá	191191		Quảng Ngãi	17	TOEIC 695
240	60901183	Nguyễn Thiên	Khánh	HC09MB	6.8	TB Khá	031191		Đà Nẵng	15	TOEIC 580

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TỐT NGHIỆP CHÍNH THỨC THÁNG 11/2014.(CẢ 2 ĐỢT)
(QĐ SỐ : 737/QĐ-ĐHBK-ĐT Ngày 15/9/2014 & QĐ bổ sung số : 791/QĐ-ĐHBK-ĐT Ngày 29/9/2014)

Stt	Masv	Họ	tên	Tên lớp	ĐTBTN	Xếp loại	Ngày sinh	Phái	noisinh	CTXH	CHỨNG CHỈ
241	40901191	Phạm Hữu	Khánh	DD09DV2	7.09	Khá	260791		Tiền Giang	19.5	TOEIC 525
242	60901192	Phạm Như Quốc	Khánh	HC09MB	7.26	Khá	240291		Khánh Hòa	22	TOEIC 465
243	20904293	Trần Linh	Khánh	CK09INN	6.42	TB Khá	180491	N	Quảng Trị	27	TOEIC 490
244	50800956	Huỳnh Trọng	Khiêm	MT08KH05	6.71	TB Khá	260890		Phú Yên	22.5	
245	80901217	Phạm Văn	Khiếu	XD09DD1	7.65	Khá	160991		Bình Thuận	19	TOEIC 500
246	21108306	Hồ Anh	Khoa	BD11CN02	7.04	Khá	280993		Tp Hồ Chí Minh	10	
247	60901225	Hoàng Vũ Xuân	Khoa	VP09VT	7.35	Khá	191091		Tp Hồ Chí Minh	21.5	TOEIC 545
248	G0904299	Ngô Lê Anh	Khoa	CT09TIEN	6.73	TB Khá	220691		Khánh Hòa	24	IELTS 6.5
249	80701127	Nguyễn An	Khoa	XD07VL1	6.13	TB Khá	270289		Lâm Đồng	15	
250	40901238	Nguyễn Đăng	Khoa	DD09TD2	7.75	Khá	300691		Nha Trang	23	TOEIC 635
251	60901250	Phan Nguyễn Đăng	Khoa	VP09NL	7.41	Khá	110591		Tp Hồ Chí Minh	17	TOEIC 605
252	40901254	Tạ Hoàng Đăng	Khoa	DD09KTD2	6.85	TB Khá	130691		Tiền Giang	16.5	TOEIC 600
253	50701156	Trần Đăng	Khoa	MT07KT02	6.3	TB Khá	280589		Tp Hồ Chí Minh	15	
254	80901267	Vũ Đăng	Khoa	XD09VL1	7.04	Khá	290591		Kiên Giang	15.5	TOEIC 485
255	40901268	Vũ Nguyễn Đăng	Khoa	VP09CDT	7.75	Khá	300891		Lâm Đồng	16.5	TOEIC 810
256	80804311	Phạm Dương	Khuê	XD08BTL1	6.42	TB Khá	261082		Quảng Ngãi	22	
257	20701187	Nguyễn Đăng	Khương	CK07VL	6.47	TB Khá	260989		Đồng Nai	18	
258	V1001606	Nguyễn Vĩnh	Khương	CT10TIEN	7.01	Khá	110692		Tp. Hồ Chí Minh	22	Toeic 740
259	20901290	Trịnh Vũ	Khuyên	CK09CTM2	6.98	TB Khá	010891		Quảng Ngãi	15	TOEIC 510
260	80901295	Dương Trung	Kiên	XD09DD1	7.52	Khá	100191		Tp Hồ Chí Minh	18	TOEIC 475
261	50901296	Huỳnh Chí	Kiên	MT09KH03	7.04	Khá	131191		Tiền Giang	18.5	TOEIC 900
262	80804314	Lê Trung	Kiên	XD08TL2	6.53	TB Khá	290590		Bình Thuận	15	
263	40701209	Võ Văn	Kiệt	DD07KTD3	6.19	TB Khá	020389		Quảng Ngãi	19	
264	30804321	Lê Vũ	King	DC08KT	6.93	TB Khá	171290		Quảng Ngãi	15	
265	50903426	Narau	Kuldan	QL09KD1	6.04	TB Khá	290487	N	Mông Cổ	18.5	TOEIC 595
266	80901324	Lê Quốc	Ký	XD09CD1	6.96	TB Khá	200291		Quảng Nam	15	TOEIC 480
267	80901327	Phạm Văn	Kỳ	XD09CB	6.9	TB Khá	050690		Nghệ An	15	TOEIC 500
268	K0904318	Đỗ Thị Hồng	Lạc	KU09VLY	6.99	TB Khá	210891	N	Bình Thuận	16	TOEIC 485
269	80901342	Nguyễn Chơn	Lạc	XD09CD1	6.86	TB Khá	240389		Ninh Thuận	18	TOEIC 450
270	70901343	Trần Ngọc	Lạc	QL09KD1	6.6	TB Khá	130591		Quảng Ngãi	17	TOEIC 460
271	51001658	Nguyễn Hoài	Lâm	MT10KHTN	8.14	Giỏi	221092		Hải Phòng	18	TOEIC 820
272	G0901339	Hoàng Nguyên	Lãm	GT09OTO2	6.64	TB Khá	080191		Đăk Lăk	21.5	TOEIC 455
273	80907159	Hoàng Ngộ	Lang	XD09B201	7.26	Khá	110483		Tp Hồ Chí Minh	0	
274	20901362	Phạm Văn	Lập	CK09TKM	6.7	TB Khá	150991		Đồng Nai	15	TOEIC 530
275	21008093	Nguyễn Gia	Liêm	BD10CN02	6.2	TB Khá	180492		Bình Định	13	
276	80904328	Bùi Mạnh	Linh	XD09VL3	6.75	TB Khá	010691		Hà Tĩnh	15	TOEIC 615
277	70901377	Bùi Thị	Linh	QL09KD1	7.11	Khá	271291	N	Đăk Lăk	27.5	TOEIC 460
278	81007163	Đinh Hà Tuấn	Linh	XD10B201	6.79	TB Khá	090386		Thanh Hóa	0	TOEIC 790
279	V0904333	Hoàng Tuấn	Linh	VL09SI	6.76	TB Khá	151290		Quảng Ninh	15	TOEIC 450
280	70804330	Huỳnh Duy	Linh	QL08CN2	6.51	TB Khá	060590		Đồng Nai	21	
281	81007164	Nguyễn Duy	Linh	XD10B201	6.72	TB Khá	091180		Tp Hồ Chí Minh	0	TOEIC 515
282	30901404	Trần Ngọc	Linh	DC09KT	7.06	Khá	240891		Bình Định	15	TOEIC 495
283	V0901408	Trần Văn	Linh	VL09KL	6.48	TB Khá	280691		Thanh Hóa	16.5	TOEIC 500
284	G0804335	Võ Duy	Linh	GT08OTO1	6.56	TB Khá	210889		Quảng Ngãi	17	
285	K0904342	Bùi Thống	Lĩnh	KU09CKT2	7.29	Khá	240291		Thái Bình	16	TOEIC 450
286	80901412	Lê Hàn	Lĩnh	XD09DD1	7.54	Khá	150291		Quảng Nam	16.5	TOEIC 515
287	80804348	Bùi Danh	Lộc	XD08DD2	7.42	Khá	120890		Tp Hồ Chí Minh	16	
288	80904355	Đinh Tiến	Lộc	XD09VL2	6.42	TB Khá	250991		Bình Thuận	16.5	TOEIC 525
289	80901446	Hồ Phạm Hữu	Lộc	XD09DD1	7.08	Khá	020691		Tp Hồ Chí Minh	17	TOEIC 755
290	30901449	Mai Bá	Lộc	DC09KS	6.69	TB Khá	220291		Bình Thuận	15	Toeic 585
291	50901454	Nguyễn Duy	Lộc	MT09KT01	7.18	Khá	180491		Tp Hồ Chí Minh	15	TOEIC 820
292	20901458	Nguyễn Tấn	Lộc	VP09CDT	7.67	Khá	270991		Tp Hồ Chí Minh	21.5	TOEIC 890
293	20701377	Phạm Xuân	Lộc	CK07VL	6.45	TB Khá	080889		Lâm Đồng	17.5	
294	40901463	Phan Trần Vĩnh	Lộc	DD09DV1	7.59	Khá	110691		An Giang	20	TOEIC 495
295	60901467	Trần Tấn	Lộc	HC09TP2	6.64	TB Khá	010191		Đồng Nai	15	TOEIC 470
296	80704284	Nguyễn Thành	Lợi	XD07TL2	6.47	TB Khá	140188		Vĩnh Long	19	
297	40901477	Nguyễn Thành	Lợi	DD09KTD1	7.09	Khá	150191		Đồng Tháp	17	Toeic 460
298	50901478	Phan Ngọc	Lợi	MT09KT02	6.83	TB Khá	180491		Đồng Nai	15	TOEIC 505
299	21008097	Đỗ Thanh	Long	BD10CN01	6.24	TB Khá	190889		Thanh Hóa	11	
300	21108317	Hà Thanh	Long	BD11CN02	6.99	TB Khá	93		Đồng Tháp	10	
301	21108318	Hoàng	Long	BD11CN02	6.58	TB Khá	111193		Đồng Nai	10.5	

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TỐT NGHIỆP CHÍNH THỨC THÁNG 11/2014.(CẢ 2 ĐỢT)
(QĐ SỐ : 737/QĐ-ĐHBK-ĐT Ngày 15/9/2014 & QĐ bổ sung số : 791/QĐ-ĐHBK-ĐT Ngày 29/9/2014)

Stt	Masv	Họ	tên	Tên lớp	ĐTBTN	Xếp loại	Ngày sinh	Phái	noisinh	CTXH	CHỨNG CHỈ
302	20704279	Trần Quốc	Long	CK07HT2	6.12	TB Khá	251289		Hà Nội	15	
303	20901440	Trịnh Hoàng	Long	CK09CD1	7.35	Khá	190391		Quảng Nam	16	TOEIC 450
304	50801154	Trương Thanh	Long	MT08KT02	6.71	TB Khá	010390		Long An	23	
305	20901481	Huỳnh Thanh	Luân	CK09CD1	7.65	Khá	070391		Khánh Hòa	19.5	TOEIC 705
306	20901486	Nguyễn Thành	Luân	CK09CTM2	7.16	Khá	301291		Bình Định	17	TOEIC 470
307	40901485	Nguyễn Thành	Luân	VP09NL	7.66	Khá	151291		Vĩnh Phú	17	TOEIC 640
308	50901487	Nguyễn Văn	Luân	MT09KH03	6.56	TB Khá	010691		Bình Định	17.5	TOEIC 530
309	50801192	Phạm Minh	Luân	MT08KH01	7.99	Khá	030290		Bình Thuận	15	
310	21008100	Phan Minh	Luân	BD10CN01	6.13	TB Khá	260491		Tiền Giang	13	
311	21008101	Trương Tấn	Luận	BD10CN01	6.25	TB Khá	021091		Bến Tre	13.5	
312	30901499	Huỳnh Tấn	Luật	DC09KT	6.84	TB Khá	070991		Phú Yên	20	TOEIC 505
313	60901516	Đặng Tuấn	Lực	HC09MB	7.27	Khá	060391		Tây Ninh	19.5	TOEIC 510
314	20804363	Nguyễn Tấn	Lực	CK08HT2	6.22	TB Khá	190589		Bình Phước	15	
315	21008102	Nguyễn Văn	Luyện	BD10CN02	6.38	TB Khá	300492		Thái Bình	10	
316	20901522	Nguyễn Văn	Lý	CK09CTM2	7.15	Khá	0391		Bình Phước	15.5	TOEIC 480
317	80701446	Bùi Xuân	Mận	XD07CD2	6.68	TB Khá	250989		Phú Yên	16	
318	20801229	Vũ Văn	Mạnh	VP08HK	6.89	TB Khá	190890		Thái Bình	16.5	
319	ILI09030	Hoàng Hải	Minh	CT09TTVT	6.83	TB Khá	150491		Huế	17	TOEIC 705
320	20901547	Hoàng Quang	Minh	CK09CD1	7.27	Khá	200591		Đồng Nai	30	TOEIC 510
321	40901552	Lê Hoàng Đức	Minh	DD09TD4	7.21	Khá	270391		Tp Hồ Chí Minh	19	TOEIC 555
322	40901556	Ngô Hoàng Nhật	Minh	VP09VT	7.19	Khá	140291		Tp Hồ Chí Minh	15	Toeic 835
323	70901560	Nguyễn Công	Minh	QL09KD1	6.8	TB Khá	280591		Cần Thơ	15	TOEIC 585
324	40901561	Nguyễn Duy	Minh	VP09NL	7.49	Khá	010491		Tp Hồ Chí Minh	23.5	TOEIC 765
325	40901563	Nguyễn Hoàng	Minh	DD09DV2	7.15	Khá	060291		Tp Hồ Chí Minh	16	TOEIC 825
326	40901570	Nguyễn Quang	Minh	VP09CDT	8.29	Giỏi	111291		Nghệ An	28	TOEIC 675
327	90904377	Nguyễn Tuyết	Minh	MO09QLMT	6.93	TB Khá	020491	N	Trà Vinh	21.5	TOEIC 755
328	21008106	Trần Thiện	Minh	BD10CN02	6.82	TB Khá	290491		Ninh Thuận	14.5	
329	G0904383	Bạch Đức Hoài	Mùi	GT09TAU	6.96	TB Khá	180991		Đăk Lăk	15	TOEIC 460
330	20901599	Lê Duy	Mỹ	VP09NL	8.25	Giỏi	040891		Đồng Nai	22	IELTS 6.5
331	80901602	Trần Thế	Mỹ	XD09CD1	6.98	TB Khá	150291		Phú Yên	20	TOEIC 545
332	20901623	Nguyễn Kiều	Nam	CK09CTM2	6.93	TB Khá	170991		Hà Tây	15.5	TOEIC 545
333	70901624	Nguyễn Ngọc	Nam	QL09CN1	7.26	Khá	090690		Hà Nam Ninh	15	TOEIC 490
334	80901634	Phạm Hoài	Nam	XD09CB	7.05	Khá	201291		Bà Rịa - Vũng Tàu	15	TOEIC 485
335	V0802748	Trần Ngọc	Nam	VL08KL	7.19	Khá	040990		Đăk Lăk	28	TOEIC 450
336	30901648	Hồ Sỹ	Năm	DC09DK	7.16	Khá	010291		Quảng Trị	16	TOEIC 600
337	70901670	Huỳnh Thị	Ngân	QL09CN2	6.79	TB Khá	010891	N	Bình Định	19	TOEIC 510
338	K0701557	Lê Bá	Nghi	KU07CKT	6.57	TB Khá	140989		Sông Bé	15	
339	80904406	Phùng Thị Đông	Nghi	XD09DC	6.88	TB Khá	191191	N	Tp Hồ Chí Minh	17	TOEIC 505
340	80901681	Trương Hữu	Nghi	XD09VL1	6.67	TB Khá	140691		An Giang	17	TOEIC 505
341	50901711	Lê Thanh	Nghị	MT09KHTN	8.11	Giỏi	260491		Phú Yên	31	TOEIC 715
342	80901713	Võ Quang	Nghị	XD09CD1	6.84	TB Khá	200291		Bình Định	15	TOEIC 450
343	70901692	Nguyễn Đình Minh	Nghĩa	QL09KD1	6.97	TB Khá	230691		Đà Nẵng	16	TOEIC 810
344	30804425	Nguyễn Tấn	Nghĩa	DC08KT	6.22	TB Khá	011087		Tây Ninh	15	
345	K0804426	Nguyễn Trọng	Nghĩa	KU08VLY	6.21	TB Khá	011090		Long An	16	
346	20908230	Trần Bá	Nghĩa	BD09CN02	5.92	Trung Bình	250490		Bà Rịa - Vũng Tàu	10	
347	20908232	Trần Hoài	Nghĩa	BD09CN02	6.63	TB Khá	020489		Quảng Nam	0	
348	V0804429	Trần Văn	Nghĩa	VL08KL	6.47	TB Khá	011088		Hà Tĩnh	15	
349	20901709	Trịnh Hữu	Nghĩa	CK09CTM2	7.06	Khá	120191		Khánh Hòa	18	TOEIC 495
350	K0904419	Bạch Phi	Ngọc	KU09VLY	6.45	TB Khá	210390		Quảng Ngãi	16	TOEIC 455
351	90904425	Nguyễn Duy	Ngọc	MO09KMT1	7.29	Khá	020590		Kiên Giang	23	TOEIC 460
352	V0701604	Phạm Bá	Ngọc	VL07PO	6.34	TB Khá	080788		Quảng Nam	16	
353	V0901761	Nguyễn Thảo	Nguyên	VL09SI	6.67	TB Khá	270691	N	Tây Ninh	18.5	TOEIC 465
354	G0901762	Nguyễn Trần Khôi	Nguyên	GT09OTO2	6.68	TB Khá	200990		Tp Hồ Chí Minh	17.5	TOEIC 530
355	80801415	Phạm Thái	Nguyên	XD08CB	6.41	TB Khá	180888		Đồng Nai	15	
356	50701643	Thái Cao	Nguyên	MT07KT02	6.65	TB Khá	280989		Đăk Lăk	15	
357	V0804444	Võ Đức	Nguyện	VL08PO	6.36	TB Khá	010389		Thừa Thiên - Huế	15.5	
358	V0904436	Hoàng Thị ánh	Nguyệt	VL09PO	7	Khá	090491	N	Thừa Thiên - Huế	17	TOEIC 455
359	20901786	Nguyễn Đức	Nhã	CK09NH	7.13	Khá	200891		Tiền Giang	15	TOEIC 490
360	80801435	Đinh Trọng	Nhân	XD08CB	6.67	TB Khá	210790		Đăk Lăk	15	
361	20901798	Lê Đỗ Đình	Nhân	CK09CD1	7.76	Khá	100291		Quảng Ngãi	16	TOEIC 485
362	80901801	Lê Thành	Nhân	XD09CD2	7.04	Khá	110391		Đồng Nai	16	TOEIC 575

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TỐT NGHIỆP CHÍNH THỨC THÁNG 11/2014.(CẢ 2 ĐỢT)
(QĐ SỐ : 737/QĐ-ĐHBK-ĐT Ngày 15/9/2014 & QĐ bổ sung số : 791/QĐ-ĐHBK-ĐT Ngày 29/9/2014)

Stt	Masv	Họ	tên	Tên lớp	ĐTBTN	Xếp loại	Ngày sinh	Phái	noisinh	CTXH	CHỨNG CHỈ
363	20901803	Lê Văn	Nhân	CK09CD1	6.86	TB Khá	190691		Bình Thuận	15	TOEIC 480
364	40901805	Lưu Trọng	Nhân	DD09DV6	6.49	TB Khá	031291		Lâm Đồng	15	TOEIC 915
365	50901811	Nguyễn Ngọc	Nhân	MT09KT02	6.52	TB Khá	120191		Quảng Nam	16	TOEIC 480
366	40901817	Nguyễn Văn	Nhân	VP09VT	7.41	Khá	201291		Quảng Ngãi	40	TOEIC 730
367	21108091	Nguyễn Văn	Nhân	BD11CN01	6.41	TB Khá	011093		Thừa Thiên - Huế	17.5	
368	80701678	Nguyễn Viết	Nhân	XD07CD2	6.36	TB Khá	180888		Nghệ An	15	
369	80901819	Phan Nguyễn Thành	Nhân	XD09TL1	6.6	TB Khá	010991		Quảng Nam	17.5	TOEIC 485
370	40804455	Trần Trọng	Nhân	DD08DV6	6.48	TB Khá	311290		Gia Lai	23	
371	21109024	Trần Trọng	Nhân	CK11LTH	6.81	TB Khá	121289		Tp Hồ Chí Minh	18	TOEIC 465
372	20901820	Trần Vạn	Nhân	CK09CTM2	6.81	TB Khá	090891		Quảng Ngãi	15	TOEIC 575
373	30801458	Cao Văn	Nhẫn	DC08KT	6.39	TB Khá	150188		Quảng Trị	19	
374	90901829	Bùi Hoàng	Nhật	MO09KMT2	7.59	Khá	160387		Đồng Nai	25	TOEIC 450
375	40701692	Cao Phúc	Nhật	DD07DV4	7.45	Khá	280189		Bình Thuận	15	
376	80901833	Lê Minh	Nhật	XD09DD1	8.11	Giỏi	030291		Bình Thuận	21.5	TOEIC 560
377	50901839	Nguyễn Lê Quang	Nhật	MT09KH03	7.42	Khá	281291		Tây Ninh	15	TOEIC 510
378	40901843	Phạm Minh	Nhật	VP09NL	6.83	TB Khá	210891		Quảng Ngãi	19	Toeic 465
379	80901846	Trần Đình	Nhật	XD09DD1	7.2	Khá	201291		Đăk Lăk	16	TOEIC 520
380	20904452	Lê Thị Yến	Nhi	CK09HT1	7.03	Khá	230991	N	Tây Ninh	21	TOEIC 485
381	90804463	Mai Thị Đức	Nhi	MO08KMT2	6.48	TB Khá	251289	N	Quảng Nam	17	
382	20704350	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	CK07MAY	6.5	TB Khá	280487	N	Vĩnh Long	15	
383	40701719	Phạm Tấn	Nhiệm	DD07KTD4	6.41	TB Khá	180988		Quảng Ngãi	15	
384	80904455	Phan Thị Sửa	Nhỏ	XD09DC	7.06	Khá	121191	N	Đồng Tháp	15.5	TOEIC 545
385	40801483	Phan Hữu	Nhơn	DD08KTD3	6.6	TB Khá	090290		Bình Định	15	
386	80907207	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	XD09B201	6.72	TB Khá	131283	N	Tp Hồ Chí Minh	0	
387	90904461	Phạm Thị Mỹ	Nhung	MO09QLMT	6.73	TB Khá	020291	N	Bình Định	15.5	TOEIC 475
388	21109025	Huỳnh Tấn	Nhựt	CK11LTH	6.38	TB Khá	211089		Tp Hồ Chí Minh	27	TOEIC 465
389	20901873	Lưu Minh	Nhựt	VP09HK	6.57	TB Khá	120391		Đồng Nai	15	TOEIC 635
390	21108345	Nguyễn Quang	Nhựt	BD11CN01	6.93	TB Khá	070193		Bến Tre	10.5	
391	20904469	Nguyễn Lê Xuân	Nữ	CK09HT1	7.21	Khá	221291	N	Tp Hồ Chí Minh	24	TOEIC 515
392	21008121	Huỳnh Tấn	Phát	BD10CN02	6.63	TB Khá	050892		Tây Ninh	10.5	
393	80901913	Phạm Tấn	Phát	XD09DD2	7.07	Khá	200491		Quảng Ngãi	22	TOEIC 455
394	80804485	Võ Thành	Phát	XD08BDC	6.4	TB Khá	260890		Tp Hồ Chí Minh	15	
395	30804486	Nguyễn Ngọc	Phi	DC08KT	6.59	TB Khá	220790		Tp Hồ Chí Minh	17.5	
396	30901929	Nguyễn Việt	Phít	DC09MT	6.68	TB Khá	200988		Quảng Nam	23.5	TOEIC 485
397	80901932	Hà Trung	Phong	XD09CD2	7.23	Khá	101091		Đăk Lăk	15	TOEIC 710
398	90901934	Lê Bá	Phong	MO09KMT1	7.08	Khá	121191		Tp Hồ Chí Minh	18.5	TOEIC 535
399	40901951	Nguyễn Thanh	Phong	DD09DV3	6.73	TB Khá	221191		Tp Hồ Chí Minh	17	TOEIC 540
400	V0901952	Nguyễn Trần	Phong	VP09VL	8.21	Giỏi	071191		Sông Bé	16.5	TOEIC 785
401	80901955	Trần Hoàng	Phong	XD09CD2	6.85	TB Khá	200991		Tp Hồ Chí Minh	15.5	TOEIC 750
402	20908269	Võ Cường	Phong	BD09CN01	6.09	TB Khá	060989		Quảng Nam	10	
403	21108348	Võ Thanh	Phong	BD11CN02	7.24	Khá	260593		Tp Hồ Chí Minh	15	
404	80901964	Bùi Đức	Phú	XD09DD2	7.61	Khá	181191		Long An	18.5	TOEIC 590
405	K0901968	Đỗ Chí	Phú	KU09CKT1	7.73	Khá	251191		Tp Hồ Chí Minh	19	TOEIC 450
406	40901966	Dương Sỹ	Phú	DD09DV1	7.36	Khá	211191		Tiền Giang	18	TOEIC 485
407	G0901969	Hà Trọng	Phú	GT09OTO2	6.96	TB Khá	150991		Đồng Nai	15	TOEIC 480
408	80901997	Đỗ Vạn	Phúc	XD09DD2	6.76	TB Khá	100491		An Giang	51	TOEIC 460
409	80902001	Lê Hồng	Phúc	XD09CD2	7.3	Khá	081291		Quảng Bình	26	TOEIC 465
410	20902006	Mai Thái Thiên	Phúc	VP09CDT	7.27	Khá	310891		Tp Hồ Chí Minh	31	TOEIC 590
411	K0902008	Nguyễn	Phúc	KU09VLY	6.9	TB Khá	080591		Tp Hồ Chí Minh	21	TOEIC 525
412	60801592	Nguyễn Duy	Phúc	HC08TP2	6.59	TB Khá	070790		Bến Tre	23.5	
413	40902019	Nguyễn Việt	Phúc	DD09DV4	6.73	TB Khá	131291		Tp Hồ Chí Minh	15	TOEIC 555
414	60902064	Ngô Bá	Phước	HC09SH1	7.01	Khá	220191		Tp Hồ Chí Minh	15.5	TOEIC 615
415	60601870	Phí Quang	Phước	VP06VL	7.59	Khá	030588		Sông Bé	0	TOEIC 940
416	80902079	Võ Hữu	Phước	XD09TL1	6.77	TB Khá	150391		Quảng Ngãi	16	TOEIC 460
417	20904490	Cao Anh	Phương	CK09SDET	7.21	Khá	200691	N	Bà Rịa - Vũng Tàu	23	TOEIC 480
418	V0804504	Đặng Đăng	Phương	VL08PO	6.23	TB Khá	200890		Tây Ninh	15	
419	80902036	Huỳnh ái	Phương	XD09CD2	7.38	Khá	260891	N	Tiền Giang	16	TOEIC 510
420	20902042	Lê Minh	Phương	CK09CTM2	7.12	Khá	220191		Long An	15.5	TOEIC 450
421	V0902049	Nguyễn Minh	Phương	VL09KL	6.71	TB Khá	170591		Tp Hồ Chí Minh	16	TOEIC 460
422	20902052	Nguyễn Thanh	Phương	CK09MAY	6.72	TB Khá	270391	N	Tp Hồ Chí Minh	16	TOEIC 500
423	V0902056	Thái	Phương	VP09VL	7.23	Khá	260391		Phú Yên	19	TOEIC 775

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TỐT NGHIỆP CHÍNH THỨC THÁNG 11/2014.(CẢ 2 ĐỢT)
(QĐ SỐ : 737/QĐ-ĐHBK-ĐT Ngày 15/9/2014 & QĐ bổ sung số : 791/QĐ-ĐHBK-ĐT Ngày 29/9/2014)

Stt	Masv	Họ	tên	Tên lớp	ĐTBTN	Xếp loại	Ngày sinh	Phái	noisinh	CTXH	CHỨNG CHỈ
424	21108116	Tống Nhựt	Phương	BD11CN01	7.42	Khá	170493		Đồng Nai	11.5	
425	80804513	Trần Hồng	Phương	XD08TL2	6.48	TB Khá	090190		Tp Hồ Chí Minh	15	
426	60902062	Võ Thanh	Phương	HC09CHC	6.69	TB Khá	250291		Quảng Nam	20	TOEIC 550
427	21108356	Bùi Quốc	Quân	BD11CN02	7.02	Khá	000093		Đồng Tháp	10	
428	50902130	Lê Minh	Quân	VP09HK	7.89	Khá	170691		Tây Ninh	31	TOEIC 650
429	40903461	Lê Minh	Quân	DD09TD4	7.09	Khá	250691		Bến Tre	15	TOEIC 555
430	21108123	Lê Nguyễn Trung	Quân	BD11CN01	6.81	TB Khá	281293		Tp Hồ Chí Minh	11	
431	90804534	Nguyễn Hải	Quân	MO08QLMT	6.52	TB Khá	060490		Đồng Nai	16	
432	30902132	Nguyễn Hải	Quân	DC09KT	6.8	TB Khá	220191		Tp Hồ Chí Minh	16	TOEIC 545
433	21108357	Nguyễn Minh	Quân	BD11CN02	7.64	Khá	020893		Đồng Tháp	10.5	
434	K0902138	Nguyễn Minh	Quân	VP09VL	7.71	Khá	201091		Tp Hồ Chí Minh	18.5	TOEIC 710
435	20902139	Nguyễn Nam	Quân	VP09HK	7.4	Khá	170291		Tây Ninh	30.5	TOEIC 570
436	50902155	Trịnh Bảo	Quân	MT09KH04	7.2	Khá	170791		Hải Phòng	15.5	TOEIC 755
437	50801722	Vũ Hải	Quân	VP08VT	7.05	Khá	190990		Bình Phước	16.5	
438	20701922	Lâm Chí	Quang	CK07VL	6.4	TB Khá	211188		Tp Hồ Chí Minh	18	
439	80902098	Lê Đình	Quang	XD09TL1	7.12	Khá	110491		Bình Định	17	TOEIC 475
440	20902099	Ngô Văn	Quang	CK09CXN	7.1	Khá	140391		Thừa Thiên - Huế	15	TOEIC 460
441	40902100	Nguyễn Anh	Quang	DD09DV1	8.06	Giỏi	050391		Quảng Ngãi	24	TOEIC 520
442	80701933	Nguyễn Minh	Quang	XD07CD2	6.58	TB Khá	190683		Bình Định	15	
443	80904513	Nguyễn Ngọc	Quang	XD09VL3	6.39	TB Khá	230691		Bình Thuận	15	TOEIC 490
444	60902113	Phạm Thanh	Quang	HC09TP2	7.35	Khá	020591		Đăk Lăk	15	TOEIC 490
445	20902114	Phạm Thanh	Quang	CK09CD1	7.07	Khá	011291		Thanh Hóa	15.5	TOEIC 515
446	40902110	Phan Thiên	Quang	DD09KTD3	6.35	TB Khá	091090		Tp Hồ Chí Minh	16.5	TOEIC 485
447	90804532	Trần Xuân	Quang	MO08KMT2	6.73	TB Khá	240990		Tp Hồ Chí Minh	15.5	
448	80801687	Võ Minh	Quang	XD08VL1	6.54	TB Khá	170990		Tp Hồ Chí Minh	15.5	
449	60701972	Bùi Thanh	Quốc	HC07SH	7.01	Khá	011189		Bến Tre	15	
450	P0810001	Lê Kim	Quốc	VP08HK	6.41	TB Khá	210790		Đà Nẵng	15.5	
451	70801740	Nguyễn Đình Bảo	Quốc	QL08KD2	6.42	TB Khá	180389		Thuận Hải	17	
452	80701979	Nguyễn Hữu	Quốc	XD07CD2	6.23	TB Khá	060386		Đồng Nai	15	
453	21008136	Nguyễn Văn	Quốc	BD10CN02	6.34	TB Khá	161092		Tiền Giang	11	
454	80804542	Trương Minh	Quốc	XD08TD1	6.69	TB Khá	200390		Thuận Hải	15	
455	80902189	Nguyễn Văn	Quyền	VP09HK	7.21	Khá	220891		Quảng Ngãi	21	TOEIC 475
456	80804547	Trương Văn	Quyền	XD08VL2	6.37	TB Khá	270390		Thanh Hóa	15	
457	21108125	Đào Huy	Quyết	BD11CN01	6.58	TB Khá	050692		Nghệ An	13	
458	80902211	Quách Thanh	Quỳnh	XD09VL1	7.07	Khá	060491	N	An Giang	32	TOEIC 465
459	30902213	Vũ Như	Quỳnh	DC09KK	6.45	TB Khá	211190	N	Nam Định	17.75	TOEIC 475
460	20902215	Nguyễn Phạm Vĩnh	San	CK09CD1	7.1	Khá	130491		Tp Hồ Chí Minh	15	TOEIC 675
461	G0902218	Đặng Duy	Sang	GT09OTO1	7.22	Khá	020991		Bà Rịa - Vũng Tàu	15.5	TOEIC 480
462	21108137	Nguyễn Hoàng	Sang	BD11CN01	6.92	TB Khá	170793		Đồng Nai	10.5	
463	40902244	Lê Ngọc	Sáng	VP09NL	7.13	Khá	260191		Bình Định	25.5	TOEIC 775
464	80902241	Trà Ngọc	Sanh	XD09DD1	7.51	Khá	201091		Bình Định	18	TOEIC 780
465	20902255	Đinh Công	Sĩ	CK09CD1	6.96	TB Khá	100691		Bình Định	15.5	TOEIC 530
466	40703094	Huỳnh Văn	Sĩ	DD07TD2	6.47	TB Khá	060888		Quảng Nam	15.5	
467	20801792	Mai Lê Phú	Sĩ	CK08TKM	6.28	TB Khá	171290		Tp Hồ Chí Minh	15	
468	30902259	Bùi Quốc	Sơn	DC09KK	6.89	TB Khá	050391		Ninh Thuận	17.5	TOEIC 480
469	20902276	Nguyễn Minh	Sơn	VP09CDT	8.06	Giỏi	130991		Tp Hồ Chí Minh	18.5	TOEIC 790
470	40801816	Nguyễn Ngọc	Sơn	DD08DV1	7.48	Khá	310390		Thuận Hải	44	
471	30902281	Nguyễn Thanh	Sơn	DC09KK	7.45	Khá	160491		Tây Ninh	16.75	TOEIC 535
472	20902284	Nguyễn Trọng	Sơn	CK09CD1	6.94	TB Khá	271191		Nghệ An	17	TOEIC 480
473	50902288	Phạm Hoàng	Sơn	MT09KT02	7.53	Khá	221091		Quảng Nam	17	TOEIC 645
474	21108141	Phạm Ngọc	Sơn	BD11CN01	6.53	TB Khá	270792		Đồng Nai	13.5	
475	20902290	Phạm Thanh	Sơn	CK09CXN	6.88	TB Khá	280291		Quảng Ngãi	15	TOEIC 465
476	80902294	Thái Đỗ Anh	Sơn	XD09CD2	6.65	TB Khá	080791		Quảng Ngãi	17	TOEIC 485
477	40801829	Trần Quốc	Sơn	DD08KTD1	7.04	Khá	201190		Tiền Giang	15.5	TOEIC 725
478	40903463	Trần Thái	Sơn	DD09TD4	6.51	TB Khá	020391		Tây Ninh	15	TOEIC 550
479	20902308	Lã Phú	Tài	CK09NH	7.27	Khá	110491		Ninh Bình	16	TOEIC 520
480	30902312	Lê Văn	Tài	DC09KK	6.61	TB Khá	200191		Quảng Nam	16	TOEIC 635
481	80904549	Nguyễn Bá	Tài	XD09VL3	6.94	TB Khá	060191		Đà Lạt	17	TOEIC 750
482	80902318	Nguyễn Hữu	Tài	XD09CD2	7.57	Khá	091091		Bình Định	27	TOEIC 490
483	20902324	Phạm Đức	Tài	CK09CTM2	6.68	TB Khá	270891		Quảng Ngãi	16.5	Toeic 525
484	20902331	Đào Thiện	Tâm	CK09TKM	6.89	TB Khá	190591		Cần Thơ	17.5	TOEIC 455

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TỐT NGHIỆP CHÍNH THỨC THÁNG 11/2014.(CẢ 2 ĐỢT)
(QĐ SỐ : 737/QĐ-ĐHBK-ĐT Ngày 15/9/2014 & QĐ bổ sung số : 791/QĐ-ĐHBK-ĐT Ngày 29/9/2014)

Stt	Masv	Họ	tên	Tên lớp	ĐTBTN	Xếp loại	Ngày sinh	Phái	noisinh	CTXH	CHỨNG CHỈ
485	20902333	Đinh Thái	Tâm	CK09CTM2	6.7	TB Khá	050191		Đồng Nai	15	TOEIC 490
486	40902335	Đỗ Hiếu	Tâm	DD09KSTD	8.11	Giỏi	120891		Tây Ninh	15	TOEIC 485
487	40902337	Hoàng Ngọc	Tâm	DD09DV3	6.94	TB Khá	121191		Lâm Đồng	18	TOEIC 535
488	V0801874	Nguyễn Minh	Tâm	VL08SI	6.51	TB Khá	090990		Bạc Liêu	15	
489	40902345	Nguyễn Minh	Tâm	DD09TD4	7.13	Khá	201191		Đồng Nai	22	TOEIC 485
490	70902351	Nguyễn Thành	Tâm	QL09CN1	6.5	TB Khá	010491		Tiền Giang	16.5	TOEIC 590
491	40902355	Phạm Văn	Tâm	VP09NL	7.38	Khá	180791		Nam Định	32.5	TOEIC 880
492	40902364	Đoàn Nhựt	Tân	VP09VT	8.16	Giỏi	230491		Bến Tre	16.5	TOEIC 660
493	41002886	Huỳnh Ngọc	Tân	CT10TTVT	7.96	Khá	210192		Bến Tre	21	Toeic 695
494	40902371	Lưu Hoàng	Tân	VP09VT	8.22	Giỏi	290891		Tây Ninh	22.5	TOEIC 650
495	21108152	Nguyễn Duy	Tân	BD11CN01	7.73	Khá	211293		Đồng Tháp	11.5	
496	70702146	Nguyễn Quí	Tân	QL0703	5.94	Trung Bình	100889		Quảng Ngãi	15	
497	80801913	Phạm Nguyên	Tân	XD08VL1	6.38	TB Khá	070690		Tp Hồ Chí Minh	15	
498	80902385	Phạm Trường	Tân	XD09DD2	7.14	Khá	100891		Đăk Lăk	16	TOEIC 685
499	21108156	Trần Huỳnh Minh	Tân	BD11CN01	7.22	Khá	081193		Tiền Giang	13.5	
500	21108157	Trần Văn	Tân	BD11CN01	6.57	TB Khá	150892		Bắc Giang	11.5	
501	21008148	Đào Văn	Tấn	BD10CN02	6.43	TB Khá	171292		Phú Yên	11	
502	21008149	Nguyễn Minh	Tấn	BD10CN01	6.2	TB Khá	201091		Bình Phước	10	
503	80802019	Nguyễn Huy	Thạc	XD08CD2	6.27	TB Khá	040490		Kon Tum	16	
504	20902516	Lưu Cẩn	Thạch	VP09HK	7.36	Khá	121191		Đồng Nai	16.5	TOEIC 695
505	60903424	Huon	Thai	HC09DK	6.31	TB Khá	240489		Campuchia	15	MIỄN CCAV
506	80801946	Bùi Đăng	Thái	XD08BDC	6.34	TB Khá	180388		Nghệ An	16	
507	80702178	Giang Quốc	Thái	XD07BDC	6.85	TB Khá	250489		Bến Tre	15	
508	40801954	Ngô Quốc	Thái	DD08KTD2	6.58	TB Khá	150589		Trà Vinh	15	
509	30902442	Nguyễn Quốc	Thái	DC09KK	6.4	TB Khá	270491		Tp Hồ Chí Minh	20.5	TOEIC 455
510	80902562	Trần Văn	Thân	XD09CD2	7.08	Khá	100891		Bình Định	25.5	TOEIC 470
511	V0904609	Đặng Vũ	Thắng	VL09SI	6.83	TB Khá	291191		Tp Hồ Chí Minh	23	TOEIC 860
512	20902541	Lâm Trường	Thắng	CK09CXN	7.51	Khá	180491		Long An	17	TOEIC 505
513	40802041	Lê Công	Thắng	VP08HK	6.67	TB Khá	120689		Bình Thuận	15	
514	80802043	Nguyễn Anh	Thắng	VP08CDT	6.59	TB Khá	180990		Hà Tây	19.5	
515	80902397	Bùi Quốc Hoài	Thanh	XD09CD2	6.95	TB Khá	090691		Đồng Nai	16	TOEIC 485
516	21108371	Đặng Vũ	Thanh	BD11CN02	6.83	TB Khá	100192		Quảng Ngãi	12	
517	40902399	Lê Sỹ	Thanh	DD09KTD4	6.51	TB Khá	150591		Thái Bình	30	TOEIC 495
518	20902419	Ung Nhật	Thanh	VP09CDT	7.47	Khá	150691		Đà Nẵng	20	TOEIC 755
519	80904581	Võ Thị Giang	Thanh	XD09VL2	6.8	TB Khá	280791	N	Đăk Lăk	18	TOEIC 490
520	50902454	Cao Tấn	Thành	MT09KH01	7.73	Khá	240491		Vũng Tàu	15	TOEIC 595
521	60902488	Trương Nhật	Thành	HC09MB	7.45	Khá	080791		Bình Phước	17.5	TOEIC 480
522	30902527	Lê Văn	Thạnh	DC09KT	7.77	Khá	011091		Bình Định	19.75	TOEIC 520
523	40902505	Trần Hiếu	Thảo	DD09DV5	6.59	TB Khá	190591		Bà Rịa - Vũng Tàu	17.5	TOEIC 545
524	20902566	Ngô Văn	Thế	CK09CTM2	6.58	TB Khá	060291		Nghệ An	23	TOEIC 570
525	60902567	Nguyễn Khắc	Thế	HC09MB	6.69	TB Khá	050591		Đồng Nai	22	TOEIC 505
526	V0904616	Đinh Lê Hạ	Thi	VL09SI	7.11	Khá	091091	N	Khánh Hòa	15.5	TOEIC 475
527	21008157	Đỗ Minh	Thi	BD10CN02	6.47	TB Khá	170290		Bình Định	11.5	
528	81207154	Văn Công	Thi	XD12B2D2	7.99	Khá	200289		Tây Ninh	0	TOEIC 495
529	G0902575	Võ Trọng	Thi	GT09TAU	7.09	Khá	291290		Tp Hồ Chí Minh	17	TOEIC 515
530	21108377	Chung Minh Khương	Thiên	BD11CN02	7.38	Khá	250793		Tiền Giang	10.5	
531	21108164	Nguyễn Trọng	Thiên	BD11CN01	6.94	TB Khá	190893		Tp Hồ Chí Minh	12.5	
532	80902595	Phạm Quý	Thiện	XD09CD2	6.62	TB Khá	010191		Bà Rịa - Vũng Tàu	15.5	TOEIC 585
533	K0902596	Tào Quang	Thiện	KU09VLY	7.03	Khá	221191		Tp Hồ Chí Minh	16	TOEIC 470
534	21109035	Tô Văn	Thiện	CK11LTH	6.4	TB Khá	040790		Đăk Lăk	18	TOEIC 645
535	50902598	Trần Quang	Thiện	MT09KH05	6.78	TB Khá	101191		Quảng Trị	16.5	TOEIC 615
536	G0902601	Bùi Quang	Thịnh	GT09OTO2	6.89	TB Khá	130991		Tp Hồ Chí Minh	22	TOEIC 450
537	50903451	Bùi Văn	Thịnh	MT09KH05	7	Khá	060491		Quảng Ngãi	15	TOEIC 460
538	K0902611	Lại Phan Minh	Thịnh	KU09VLY	6.68	TB Khá	290591		Tp Hồ Chí Minh	16	TOEIC 495
539	40902612	Lê Đức	Thịnh	CT09TIEN	8.13	Giỏi	131191		Thừa Thiên - Huế	27.5	Toeic 725
540	21108175	Ngụy Duy	Thịnh	BD11CN01	6.33	TB Khá	151093		Tp Hồ Chí Minh	15	
541	80802110	Nguyễn Tấn	Thịnh	XD08BTL1	6.58	TB Khá	150490		Phú Yên	15	
542	60902629	Trần Đắc	Thịnh	HC09CHC	6.71	TB Khá	081291		Quảng Nam	40	TOEIC 485
543	20908349	Đỗ Văn	Thoại	BD09CN02	6.24	TB Khá	070790		Phú Yên	2	
544	70804633	Ngô	Thông	QL08CN1	6.63	TB Khá	010788		Quảng Nam	28.5	
545	90904634	Nguyễn Tấn	Thông	MO09KMT2	6.7	TB Khá	100991		Long An	19.5	TOEIC 485

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TỐT NGHIỆP CHÍNH THỨC THÁNG 11/2014.(CẢ 2 ĐỢT)
(QĐ SỐ : 737/QĐ-ĐHBK-ĐT Ngày 15/9/2014 & QĐ bổ sung số : 791/QĐ-ĐHBK-ĐT Ngày 29/9/2014)

Stt	Masv	Họ	tên	Tên lớp	ĐTBTN	Xếp loại	Ngày sinh	Phái	noisinh	CTXH	CHỨNG CHỈ
546	V0904635	Nguyễn Văn	Thông	VL09KL	6.68	TB Khá	100291		Quảng Nam	17	TOEIC 465
547	80904637	Nguyễn Văn	Thông	XD09VL2	6.99	TB Khá	261091		Hà Tĩnh	16	TOEIC 460
548	21108382	Trần Bá	Thông	BD11CN02	6.78	TB Khá	120293		Đồng Nai	20.5	
549	40902662	Đinh Xuân	Thu	VP09NL	7.61	Khá	230991		Đồng Nai	21.5	TOEIC 550
550	20802145	Trần Văn	Thu	CK08HT1	6.2	TB Khá	190289		Kiên Giang	15	
551	40702404	Dương Tấn	Thủ	DD07KTD5	6.26	TB Khá	060589		Tiền Giang	16	
552	21108185	Vũ Thị Minh	Thư	BD11CN01	7.25	Khá	170193	N	Tp Hồ Chí Minh	13	
553	80902666	Bùi Ngọc	Thuận	XD09DD2	7.6	Khá	050491		Bình Định	16	TOEIC 495
554	21209011	Huỳnh Võ Châu	Thuận	CK12LTH	7.29	Khá	100391		Bình Dương	20	TOEIC 450
555	30702391	Nguyễn Đức	Thuận	DC07KK	5.94	Trung Bình	010687		Thái Bình	16	
556	80907287	Nguyễn Đức	Thuận	XD09B202	6.26	TB Khá	260284		Đồng Nai	0	
557	80902679	Phạm Bá	Thuận	XD09CD2	7.11	Khá	060691		Gia Lai	17	TOEIC 485
558	70902682	Trần Vạn	Thuận	VP09CDT	7.25	Khá	081291		Tp Hồ Chí Minh	21	TOEIC 805
559	V0904667	Nguyễn Duy	Thức	VL09KL	6.81	TB Khá	160891		Tây Ninh	19	TOEIC 465
560	40702423	Lê Văn	Thương	DD07KTD5	6.31	TB Khá	030888		Vũng Tàu	15	
561	V0902714	Nguyễn Minh	Thương	VL09KL	6.83	TB Khá	080891		Lâm Đồng	16	TOEIC 450
562	80802194	Nguyễn Văn	Thương	XD08CB	6.87	TB Khá	160390		Bình Định	15	
563	20902718	Lê Ngọc	Thường	CK09CD1	7.16	Khá	200691		Thừa Thiên - Huế	15	TOEIC 460
564	80802198	Nguyễn Văn	Thường	XD08TD1	6.21	TB Khá	160687		Đăk Lăk	17	
565	80902722	Lê Đức	Thưởng	XD09TD1	7.09	Khá	251191		Đăk Lăk	17	TOEIC 525
566	90902690	Đoàn Thị Diễm	Thúy	MO09QLMT	6.98	TB Khá	290691	N	Long An	28	TOEIC 450
567	V0904648	Phạm Thị	Thúy	VL09SI	7.06	Khá	260291	N	Thanh Hóa	17.5	TOEIC 455
568	80904654	Hoàng Thị Hồng	Thủy	XD09DC	6.55	TB Khá	140391	N	Đồng Nai	19	TOEIC 525
569	70702406	Nguyễn Ngọc	Thủy	QL0703	6.79	TB Khá	230489	N	Long An	15.5	
570	60802181	Tạ Nguyễn Phương	Thủy	HC08VS	6.96	TB Khá	240490	N	Tp Hồ Chí Minh	15.5	
571	20902700	Vũ Thị Thu	Thủy	CK09MAY	6.66	TB Khá	061090	N	Đồng Nai	15	TOEIC 505
572	K0902734	Huỳnh Anh	Tiên	KU09CKT1	6.85	TB Khá	160491		Phú Yên	17	TOEIC 455
573	40903452	Ngô Tấn	Tiên	DD09DV5	6.77	TB Khá	060791		Quảng Ngãi	17	TOEIC 540
574	80804664	Đỗ Quang	Tiến	XD08VL2	6.24	TB Khá	131289		Thanh Hóa	16	
575	80804666	Mai Xuân	Tiến	XD08TD2	6.55	TB Khá	250890		Bình Định	22	
576	20802228	Trần Công	Tiến	CK08NH	6.86	TB Khá	150990		Thừa Thiên - Huế	15	
577	40902771	Đỗ Gia	Tiệp	DD09KTD2	7.16	Khá	040291		Long An	18	TOEIC 495
578	90902772	Nguyễn Đức	Tiệp	MO09KMT2	6.57	TB Khá	011290		Bà Rịa - Vũng Tàu	22.5	TOEIC 530
579	50902774	Bùi Trọng	Tín	MT09KH05	7.51	Khá	130191		Tp Hồ Chí Minh	18	TOEIC 735
580	80902781	Lê Quốc	Tín	XD09DD2	7.24	Khá	201091		Bình Thuận	18	TOEIC 515
581	20802247	Phạm Trọng	Tín	CK08CTM2	6.47	TB Khá	120890		Bến Tre	20	
582	80904676	Nguyễn Văn	Tình	XD09VL2	6.41	TB Khá	160390		Bình Định	15	TOEIC 450
583	30802281	Nguyễn Trường	Tô	DC08MT	6.66	TB Khá	060890		Phú Yên	15	
584	80902845	Bùi Danh	Toại	XD09DD2	6.49	TB Khá	300791		Tp Hồ Chí Minh	16	TOEIC 595
585	60902846	Nguyễn Quý	Toại	HC09SH2	7.37	Khá	110791		Quảng Ngãi	24.5	TOEIC 680
586	21008180	Đinh Nguyễn Bảo	Toàn	BD10CN02	6.39	TB Khá	170391		Đăk Lăk	10.5	
587	21209012	Ngô Trọng	Toàn	CK12LTH	7.08	Khá	260791		Tây Ninh	20.5	TOEIC 455
588	20802267	Nguyễn Cảnh	Toàn	CK08VL	6.54	TB Khá	080289		Nghệ An	15	
589	20902827	Phan Minh	Toàn	CK09CD1	7.48	Khá	200791		Tp Hồ Chí Minh	15	TOEIC 725
590	21108389	Trần Mạnh	Toàn	BD11CN02	7.53	Khá	170492		Lâm Đồng	10	
591	80902841	Võ Văn	Toàn	XD09CD2	6.73	TB Khá	100291		Đăk Lăk	16	TOEIC 470
592	90802275	Vũ Đức	Toàn	MO08QLMT	6.4	TB Khá	290989		Nam Định	15.5	
593	40902852	Nguyễn Văn	Tôn	DD09KTD4	7.04	Khá	210791		Nam Hà	25	TOEIC 515
594	21108188	Lê Nguyễn Quỳnh	Trâm	BD11CN02	7.56	Khá	201293	N	Tp Hồ Chí Minh	42	
595	V0804701	Nguyễn Lê Duy	Trân	VL08PO	6.65	TB Khá	060490		Tp Hồ Chí Minh	18	
596	30804702	Nguyễn Quốc	Trân	DC08KK	6.31	TB Khá	050190		Khánh Hòa	16	
597	50902870	Phạm Văn	Trang	MT09KH05	6.99	TB Khá	011291		Nam Định	18.5	TOEIC 485
598	20902872	Trần Quốc	Trang	CK09HT1	6.81	TB Khá	191190		Quảng Ngãi	19	TOEIC 520
599	60902918	Đặng Hữu	Trí	HC09DK	6.72	TB Khá	231091		Khánh Hòa	27	TOEIC 460
600	80902932	Nguyễn Phúc	Trí	XD09CD2	6.46	TB Khá	210191		Quảng Trị	16	TOEIC 450
601	K0902933	Nguyễn Quốc	Trí	KU09VLY	6.73	TB Khá	110691		Vĩnh Long	15	TOEIC 475
602	20902934	Nguyễn Viết Đức	Trí	CK09NH	6.98	TB Khá	050191		Bà Rịa - Vũng Tàu	27	TOEIC 575
603	21008184	Phạm Ngọc	Trí	BD10CN02	6.28	TB Khá	041092		Bình Định	12	
604	30702628	Phan Minh	Trí	DC07KS	6.68	TB Khá	150288		Tiền Giang	19	
605	20902939	Trần	Trí	CK09CTM2	6.71	TB Khá	010191		Thuận Hải	15.5	TOEIC 735
606	21108394	Trần Minh	Trí	BD11CN02	7.63	Khá	041193		Bến Tre	14	

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TỐT NGHIỆP CHÍNH THỨC THÁNG 11/2014.(CẢ 2 ĐỢT)
(QĐ SỐ : 737/QĐ-ĐHBK-ĐT Ngày 15/9/2014 & QĐ bổ sung số : 791/QĐ-ĐHBK-ĐT Ngày 29/9/2014)

Stt	Masv	Họ	tên	Tên lớp	ĐTBTN	Xếp loại	Ngày sinh	Phái	noisinh	CTXH	CHỨNG CHỈ
607	81003599	Trịnh Minh	Trí	XD10DD4	7.67	Khá	230592		Tiền Giang	17.5	TOEIC 480
608	80902940	Trương Hoàng	Trí	VP09VT	6.8	TB Khá	101191		Tp Hồ Chí Minh	19	TOEIC 625
609	60902898	Ngô Hoàng Hiền	Triết	HC09TP1	6.63	TB Khá	030191		Bến Tre	19.5	TOEIC 450
610	20904699	Trần Minh	Triết	CK09HT2	6.88	TB Khá	130691		Tp Hồ Chí Minh	26	TOEIC 520
611	G0902902	Văn Minh	Triết	GT09OTO1	6.76	TB Khá	090291		Tp Hồ Chí Minh	20	TOEIC 550
612	50902904	Nguyễn Lâm	Triều	MT09KH06	7.18	Khá	081191		Bình Thuận	16	TOEIC 700
613	80804707	Lương Thành	Triệu	XD08BDC	6.17	TB Khá	291185		Long An	15	
614	50702600	Đào Lê	Trinh	MT07KT03	6.53	TB Khá	241289		Bình Định	16	
615	40902947	Lê Thúc	Trình	VP09VT	8.11	Giỏi	060591		Thừa Thiên Huế	15	Toeic 835
616	80902953	Nguyễn Quốc	Trong	XD09DD2	6.66	TB Khá	201091		Phú Yên	18.5	TOEIC 500
617	80902960	Trương Quang	Trọng	XD09DD2	7.45	Khá	200191		Quảng Ngãi	22.5	TOEIC 495
618	40702707	Tạ Thanh	Trụ	DD07DV6	6.43	TB Khá	191189		Bình Thuận	16	
619	20903033	Trần Thị Thanh	Trúc	CK09SDET	6.49	TB Khá	160291	N	Lâm Đồng	19	TOEIC 530
620	20904717	Đỗ Thành	Trung	CK09HT2	7.2	Khá	160191		Hải Phòng	56.5	TOEIC 475
621	K0902968	Hồ Quốc	Trung	KU09VLY	6.65	TB Khá	220991		Tp Hồ Chí Minh	15	TOEIC 525
622	80902969	Huỳnh Quốc	Trung	XD09CD2	6.83	TB Khá	020291		Quảng Nam	17	TOEIC 460
623	80804721	La Minh	Trung	XD08VL2	6.26	TB Khá	120685		Bình Định	15	
624	20902971	Lê Chí	Trung	CK09NH	6.93	TB Khá	090991		An Giang	16	TOEIC 525
625	40902975	Lê Quốc	Trung	DD09KTD3	6.78	TB Khá	130191		Đồng Nai	16.5	TOEIC 475
626	80802378	Lê Tấn	Trung	XD08DD2	6.93	TB Khá	150890		Bà Rịa - Vũng Tàu	16	
627	70902981	Nguyễn Hà	Trung	QL09KD1	7.01	Khá	270891		Tp Hồ Chí Minh	18.5	TOEIC 545
628	80902987	Nguyễn Thanh	Trung	XD09CB	6.75	TB Khá	011291		Bình Định	16.5	TOEIC 480
629	40903005	Tần Lê	Trung	DD09KTD3	6.52	TB Khá	190791		Quảng Trị	18	TOEIC 455
630	40903006	Thái Thành	Trung	DD09KTD3	6.67	TB Khá	221091		Tp Hồ Chí Minh	16.5	TOEIC 495
631	90903007	Thi Hoàng	Trung	MO09QLMT	6.55	TB Khá	231291		Đồng Nai	15	TOEIC 450
632	40802399	Trần Bảo	Trung	DD08DV6	6.27	TB Khá	290389		Đăk Lăk	17	
633	20903009	Trần Minh	Trung	CK09CD1	6.72	TB Khá	210791		Bình Định	16	TOEIC 465
634	70903019	Võ Quốc	Trung	QL09CN2	6.76	TB Khá	271291		Quảng Nam	15	TOEIC 480
635	20903021	Vũ Văn Tiến	Trung	CK09NH	7.05	Khá	260791		Tp Hồ Chí Minh	18	TOEIC 540
636	V0704567	Đỗ Đăng	Trường	VL07SI	6.43	TB Khá	260689		Đồng Nai	15.5	
637	20903041	Lê Phạm Tấn	Trường	CK09CD1	7.77	Khá	140491		Lâm Đồng	16	TOEIC 570
638	80904733	Ngàn Huấn	Trường	XD09VL2	6.68	TB Khá	241191		Đà Nẵng	16	TOEIC 460
639	P0910007	Nguyễn Nhật	Trường	VP09CDT	6.91	TB Khá	020991		Bình Định	22	Toeic 500
640	40903047	Nguyễn Nhựt	Trường	DD09DV5	6.42	TB Khá	170491		Tiền Giang	16	TOEIC 510
641	21108400	Nguyễn Trường	Trường	BD11CN02	8.02	Giỏi	120493		Gia Lai	12	
642	80903053	Phan Văn	Trường	XD09DD2	7.84	Khá	060591		Nam Định	17	TOEIC 490
643	20704569	Phùng Thế	Trường	CK07CXN	6.1	TB Khá	070589		Đồng Nai	16.5	
644	80903056	Trần Đình	Trưởng	XD09CD2	7.24	Khá	240791		Bình Định	20	TOEIC 450
645	80702699	Nguyễn Hữu	Truyền	XD07CD2	6.45	TB Khá	040389		Thừa Thiên - Huế	17	
646	40802513	Nguyễn Quỳnh	Tú	DD08TD1	7.28	Khá	230290		Phú Yên	25	
647	K0904769	Phan Quang	Tú	KU09VLY	6.98	TB Khá	270891		Sông Bé	15.5	TOEIC 475
648	50802429	Châu Vĩnh	Tuân	MT08KH06	8.2	Giỏi	140590		Thừa Thiên - Huế	21	
649	50903059	Nguyễn Hoàng	Tuân	MT09KHTN	7.84	Khá	191291		Quảng Nam	15	TOEIC 585
650	80903061	Phạm Bá	Tuân	XD09CD2	6.77	TB Khá	130391		Đồng Nai	16	TOEIC 495
651	80903065	Cao Anh	Tuấn	XD09CB	6.29	TB Khá	140791		Kon Tum	15	Toeic 455
652	20903066	Cao Đỗ Nam	Tuấn	VP09CDT	8.02	Giỏi	240291		Tây Ninh	28.5	TOEIC 695
653	80903073	Đỗ Anh	Tuấn	XD09DD2	7.39	Khá	100291		Bình Định	19	TOEIC 480
654	30702741	Đoàn Minh	Tuấn	DC07DK	6.35	TB Khá	211089		Quảng Trị	15	
655	80903070	Dương Quốc	Tuấn	XD09DD2	7.44	Khá	020691		Đăk Lăk	16	TOEIC 540
656	80903080	Hồ Anh	Tuấn	XD09DD2	7.83	Khá	270291		An Giang	23	TOEIC 710
657	30903081	Hồ Xuân	Tuấn	DC09KK	6.77	TB Khá	120891		Đăk Lăk	20	TOEIC 490
658	50903083	Huỳnh Minh	Tuấn	MT09KH01	7.22	Khá	170191		Tây Ninh	15.5	TOEIC 625
659	21108197	Huỳnh Thanh	Tuấn	BD11CN01	7.56	Khá	110592		Bình Định	22	
660	90903084	Lã Quý	Tuấn	MO09KMT2	6.45	TB Khá	020391		Đăk Lăk	17.5	Toeic 450
661	60903085	Lê Anh	Tuấn	HC09TP1	6.73	TB Khá	170991		Lâm Đồng	20	TOEIC 455
662	80903086	Lê Huỳnh Anh	Tuấn	XD09CD2	6.43	TB Khá	041291		Bình Thuận	18	Toeic 485
663	20903087	Lê Khắc	Tuấn	CK09CTM2	6.75	TB Khá	120891		Thanh Hóa	17	TOEIC 490
664	40903091	Lê Trọng	Tuấn	DD09DV3	6.69	TB Khá	170791		Thanh Hóa	16.5	TOEIC 450
665	51004203	Lục Minh	Tuấn	MT10KH04	7.71	Khá	210791		Lâm Đồng	15.5	TOEIC 510
666	K0802445	Lý Nguyễn Anh	Tuấn	KU08VLY	6.57	TB Khá	180590		Tiền Giang	16.5	
667	21008199	Mai Minh	Tuấn	BD10CN01	6.21	TB Khá	010192		Tp Hồ Chí Minh	10	

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TỐT NGHIỆP CHÍNH THỨC THÁNG 11/2014.(CẢ 2 ĐỢT)
(QĐ SỐ : 737/QĐ-ĐHBK-ĐT Ngày 15/9/2014 & QĐ bổ sung số : 791/QĐ-ĐHBK-ĐT Ngày 29/9/2014)

Stt	Masv	Họ	tên	Tên lớp	ĐTBTN	Xếp loại	Ngày sinh	Phái	noisinh	CTXH	CHỨNG CHỈ
668	30903094	Mai Văn	Tuấn	DC09KS	6.83	TB Khá	161091		Kon Tum	22	TOEIC 505
669	20908400	Nguyễn Anh	Tuấn	BD09CN01	6.31	TB Khá	260889		Quảng Bình	10	
670	40903102	Nguyễn Đăng	Tuấn	DD09KTD3	6.27	TB Khá	211091		Nghệ An	17	TOEIC 485
671	80804746	Nguyễn Mạnh	Tuấn	XD08BDC	6.1	TB Khá	201088		Bình Thuận	15	
672	40903113	Nguyễn Oanh	Tuấn	VP09VT	7.96	Khá	020191		Tp Hồ Chí Minh	19	Toeic 575
673	80903117	Nguyễn Thanh	Tuấn	XD09CD2	6.98	TB Khá	251091		Đăk Lăk	15	TOEIC 465
674	70702774	Nguyễn Tiến	Tuấn	QL0702	6.29	TB Khá	240389		Vĩnh Phú	15.5	
675	20904749	Phạm Anh	Tuấn	CK09HT2	6.78	TB Khá	181191		Đăk Lăk	31	TOEIC 465
676	40903123	Phạm Hoàng	Tuấn	VP09VT	7.87	Khá	011091		Quảng Nam	19	TOEIC 785
677	80903124	Phạm Lê Anh	Tuấn	XD09DD2	7.51	Khá	260591		Tây Ninh	17.5	TOEIC 520
678	V0702781	Phạm Minh	Tuấn	VL07KL	6.24	TB Khá	261189		Thuận Hải	15	
679	80903125	Phạm Thanh	Tuấn	XD09DD2	7.62	Khá	210791		Đồng Nai	15	TOEIC 690
680	21108406	Trần Phương	Tuấn	BD11CN02	7.13	Khá	280993		Khánh Hòa	14	
681	80802524	Bùi Quang	Tùng	XD08BDC	6.44	TB Khá	220890		Long An	42	
682	80904770	Đặng Thanh	Tùng	XD09VL2	6.51	TB Khá	291191		Hải Phòng	15	TOEIC 455
683	81107302	Nguyễn Huy	Tùng	XD11B202	6.76	TB Khá	131085		Ninh Bình	0	TOEIC 450
684	40903200	Nguyễn Thanh	Tùng	DD09DV3	6.8	TB Khá	170991		Đồng Nai	17	TOEIC 625
685	21108216	Phan Thanh	Tùng	BD11CN01	7.33	Khá	040992		Tp Hồ Chí Minh	10.5	
686	40903148	Hoàng Anh	Tuyến	VP09HK	8.12	Giỏi	070991		Sông Bé	21.5	TOEIC 595
687	G0903150	Ngô Trung	Tuyến	GT09TAU	6.67	TB Khá	170291		Đồng Nai	15	TOEIC 475
688	K0904757	Trần Thanh	Tuyến	KU09CKT2	6.61	TB Khá	010691		Tp Hồ Chí Minh	17	TOEIC 505
689	30903223	Trần Công	Uẩn	DC09KS	7.3	Khá	120391		Tiền Giang	22.5	TOEIC 505
690	80704607	Nguyễn Văn	Vân	XD07DD2	6.46	TB Khá	070786		Hà Nam	15	
691	70903254	Trần Hoàng	Vân	QL09CN2	6.55	TB Khá	240291		Tp Hồ Chí Minh	16.5	TOEIC 765
692	90904788	Trương Thị Thanh	Vân	MO09KMT2	6.83	TB Khá	050889	N	Tp Hồ Chí Minh	51	TOEIC 460
693	50903240	Lê	Văn	MT09KH06	6.73	TB Khá	270991		Lâm Đồng	15.5	TOEIC 655
694	20903242	Nguyễn Công	Văn	CK09CXN	7.33	Khá	100991		Thanh Hóa	17	TOEIC 450
695	70802579	Nguyễn Trung	Văn	QL08KD1	6.53	TB Khá	300486		Phù Cát, Bình Định	15.5	
696	40903244	Tô Đình	Văn	DD09KTD3	6.27	TB Khá	120491		Ninh Bình	15	TOEIC 470
697	G0804780	Võ Thanh	Vang	GT08OTO2	6.48	TB Khá	040788		Tây Ninh	16.5	
698	40802573	Phạm Văn	Vàng	DD08TD2	6.34	TB Khá	201187		Tiền Giang	35	
699	80903316	Huỳnh Nguyên	Vĩ	XD09DD2	7.15	Khá	200691		Phú Yên	18	TOEIC 490
700	20903319	Trần Tuấn	Vĩ	CT09TIEN	7.32	Khá	190191		Tp Hồ Chí Minh	16	TOEIC 820
701	90904792	Bùi Hoàng	Việt	MO09QLMT	6.74	TB Khá	120691		Tây Ninh	18	TOEIC 590
702	80907366	Đào Hoàng	Việt	XD09B202	6.51	TB Khá	290376		Biên Hòa	0	
703	30903267	Đinh Hùng	Việt	DC09MT	6.32	TB Khá	220791		Bình Thuận	15	TOEIC 460
704	20903266	Dương Tuấn	Việt	CK09CTM1	7.02	Khá	201091		Hà Tĩnh	15	TOEIC 465
705	G0904793	Lê Long	Việt	GT09OTO2	6.41	TB Khá	090791		Tây Ninh	32.5	TOEIC 555
706	80903269	Lê Quốc	Việt	XD09DD2	7.66	Khá	280791		Bình Định	46.5	TOEIC 455
707	90804793	Ngô Bùi Quốc	Việt	MO08QLMT	6.44	TB Khá	220589		Đăk Lăk	19	
708	80702954	Trần Hồng	Việt	XD07CD2	6.01	TB Khá	020489		Đăk Lăk	15	
709	20702965	Khưu Thế	Vinh	CK07SDET	6.31	TB Khá	171189		Long An	15	
710	V0903295	Nguyễn Bá Trường	Vinh	VL09PO	6.97	TB Khá	101191		Bình Định	16	TOEIC 575
711	20904798	Nguyễn Nhất	Vinh	CK09HT2	6.77	TB Khá	260991		Quảng Ngãi	18	TOEIC 480
712	40702973	Nguyễn Phú	Vinh	VP07VL	7.81	Khá	240489		Kon Tum	24	TOEIC 925
713	20903300	Nguyễn Quang	Vinh	CK09CTM1	6.76	TB Khá	020891		Quảng Ngãi	38	TOEIC 460
714	40802633	Nguyễn Văn	Vinh	DD08KTD3	6.51	TB Khá	150689		Nam Định	27	
715	20802638	Phạm Quang	Vinh	CK08CXN	6.64	TB Khá	080790		Hải Dương	19	
716	40702994	Trần Thanh	Vinh	DD07DV6	6.86	TB Khá	211189		Đồng Nai	15	
717	80802648	Phạm Hy	Vọng	XD08DD2	7.21	Khá	160390		Kiên Giang	15	
718	21108228	Đinh Tuấn	Vũ	BD11CN01	7.38	Khá	040791		Tuyên Quang	12.5	
719	50903336	Hoàng Văn Nhật	Vũ	MT09KH02	7.14	Khá	201191		Đăk Lăk	16	TOEIC 530
720	80904803	Huỳnh Thanh	Vũ	XD09TD1	6.58	TB Khá	080988		Vĩnh Long	15	TOEIC 480
721	V0903342	Lê Hoàng	Vũ	VL09KL	6.84	TB Khá	010191		Quảng Nam	15.5	TOEIC 500
722	50802665	Nguyễn Anh Tuấn	Vũ	MT08KH01	6.72	TB Khá	030990		Tiền Giang	16.5	
723	60903349	Nguyễn Hoàng	Vũ	HC09TP1	7.19	Khá	140891		Long An	16	TOEIC 525
724	20903357	Nguyễn Tuấn	Vũ	CK09NH	7.04	Khá	010291		Quảng Nam	20	TOEIC 455
725	G1004089	Nguyễn Văn Nhật	Vũ	GT10HK	8.26	Giỏi	140892		Đồng Nai	21	TOEIC 790
726	40802680	Phạm Thế	Vũ	DD08TD2	7.33	Khá	281190		Thanh Hóa	22	
727	80704627	Phan	Vũ	XD07TL2	6.33	TB Khá	221089		Gia Lai	20	
728	K0903376	Trương Tuấn	Vũ	KU09VLY	7.13	Khá	050391		Long An	20	TOEIC 500

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TỐT NGHIỆP CHÍNH THỨC THÁNG 11/2014.(CẢ 2 ĐỢT)
(QĐ SỐ : 737/QĐ-ĐHBK-ĐT Ngày 15/9/2014 & QĐ bổ sung số : 791/QĐ-ĐHBK-ĐT Ngày 29/9/2014)

Stt	Masv	Họ	tên	Tên lớp	ĐTBTN	Xếp loại	Ngày sinh	Phái	noisinh	CTXH	CHỨNG CHỈ
729	80903383	Hồ Quốc	Vương	XD09CD2	7.22	Khá	080591		Thanh Hóa	16	TOEIC 505
730	30903389	Nguyễn Minh	Vương	DC09DK	7.45	Khá	250591		Long An	16	TOEIC 510
731	60903402	Nguyễn Võ Tường	Vy	HC09SH2	7	Khá	080991	N	Tiền Giang	22	TOEIC 465
732	40802711	Huỳnh Phan	Vỹ	DD08DV4	6.83	TB Khá	270790		Bình Định	16	
733	90804820	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	MO08QLMT	6.6	TB Khá	020190	N	Đồng Nai	16	
734	90903409	Trương Thị	Xuân	MO09KMT2	6.72	TB Khá	230991	N	Thanh Hóa	22.5	TOEIC 475
735	20904827	Nguyễn Hà	Xuyên	CK09MAY	7.05	Khá	270191	N	Bình Thuận	22.5	TOEIC 520
736	90903421	Bùi Thị Thi	ý	MO09QLMT	7.06	Khá	090191	N	Bình Thuận	16	TOEIC 465
737	21108420	Trịnh Thị Thúy	Yên	BD11CN02	6.69	TB Khá	010793	N	Bình Thuận	12.5	